

Số: **627/QĐ-UBND**

Vĩnh Phúc, ngày **22** tháng 02 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận  
và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc;  
Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại  
cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 985/QĐ-TTg ngày 08 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Kế hoạch thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh tại Tờ trình số 35/TTr-VP ngày 20 tháng 02 năm 2019,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kèm theo Quyết định này Danh mục **1.463** thủ tục hành chính tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc; Danh mục **121** thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại cơ quan, đơn vị và **05** thủ tục hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng áp dụng chung trên địa bàn tỉnh (có 02 phụ lục kèm theo).

Căn cứ Danh mục thủ tục hành chính này, các Sở, Ban, ngành rà soát, xây dựng Quyết định công bố danh mục các thủ tục hành chính và thủ tục hành chính tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc, Danh mục thủ tục hành chính tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại cơ quan, đơn vị, trình Chủ tịch UBND tỉnh **trong tháng 03/2019**.

Giao Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành thực hiện, kiểm soát chất lượng dự thảo trước khi trình Chủ tịch UBND tỉnh đảm bảo đúng quy định của pháp luật và thực tiễn ở địa phương.

Giao Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc có lộ trình sắp xếp, bố trí nơi tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả thủ tục hành chính theo quy định.

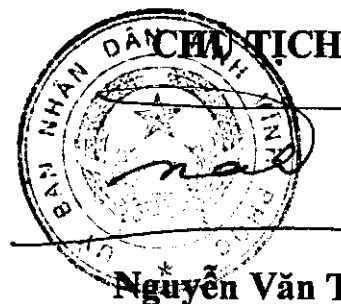
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3584/QĐ-UBND ngày 26/12/2017 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về phê duyệt danh mục thủ tục hành chính được tiếp nhận giải quyết và trả kết quả tại Trung tâm Hành chính công tỉnh Vĩnh Phúc.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành; UBND các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

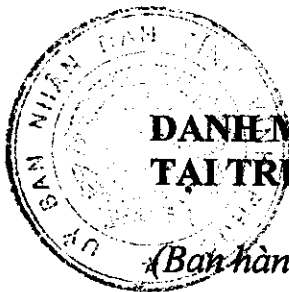
### **Nơi nhận:**

- Cục KSTTHC- Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Trung tâm PV Hành chính công tỉnh;
- Công Thông tin - GTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, KS1, KS2, KS3, KS4.

(Th- 45b) ✓



**Nguyễn Văn Trì**



Phụ lục số 01

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN VÀ TRẢ KẾT QUẢ  
TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH VINH PHÚC**

(Tổng số: 1463 thủ tục hành chính)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 627/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2019  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vinh Phúc)

TT	TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH	Ghi chú
I	<b>SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (99 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Giáo dục nghề nghiệp</b>	
1	Thành lập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh.	
2	Chia, tách, sáp nhập trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh.	
3	Giải thể trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh.	
4	Chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và phân hiệu của trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh.	
5	Đổi tên trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp công lập trực thuộc tỉnh và trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp tư thục trên địa bàn tỉnh.	
6	Bổ nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh.	
7	Miễn nhiệm giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp công lập trực thuộc tỉnh; trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục.	
8	Công nhận trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục hoạt động không vì lợi nhuận.	
9	Thành lập hội đồng trường, bổ nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.	
10	Miễn nhiệm chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.	
11	Cách chức chủ tịch và các thành viên hội đồng trường cao đẳng	

	công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.	
12	Bổ nhiệm hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.	
13	Miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường cao đẳng công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.	
14	Thành lập hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	
15	Miễn nhiệm chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	
16	Cách chức chủ tịch, các thành viên hội đồng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	
17	Bổ nhiệm hiệu trưởng trường trung cấp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở, Ủy ban nhân dân cấp huyện.	
18	Miễn nhiệm, cách chức hiệu trưởng trường trung cấp công lập thuộc UBND cấp tỉnh, Sở, UBND cấp huyện.	
19	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp.	
20	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với trung tâm giáo dục nghề nghiệp, trường trung cấp, doanh nghiệp.	
21	Công nhận giám đốc trung tâm giáo dục nghề nghiệp tư thục.	
22	Thành lập hội đồng quản trị trường trung cấp tư thục.	
23	Công nhận hiệu trưởng trường trung cấp tư thục.	
24	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động liên kết đào tạo đối với trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp.	
25	Cho phép thành lập trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	
26	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (tại các tỉnh, thành phố khác với tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính của trường trung cấp).	
27	Cho phép mở phân hiệu của trường trung cấp có vốn đầu tư nước ngoài (trong cùng một tỉnh, thành phố với trụ sở chính của trường trung cấp).	

28	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	
29	Hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao là người Vĩnh Phúc.	TTHC đặc thù
	<b>Lĩnh vực: Việc làm, an toàn lao động</b>	
30	Đăng ký hợp đồng nhận lao động thực tập thời hạn dưới 90 ngày.	
31	Cấp mới giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	
32	Gia hạn, sửa đổi, bổ sung, cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ tổ chức huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập); Giấy chứng nhận doanh nghiệp đủ điều kiện tự huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động hạng B (trừ các tổ chức tự huấn luyện do các Bộ, ngành, cơ quan trung ương, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương quyết định thành lập).	
33	Thu hồi giấy phép lao động.	
34	Khai báo với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội khi đưa vào sử dụng các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động.	
35	Đăng ký hợp đồng cá nhân.	
36	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	
37	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	
38	Cấp giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	
39	Cấp lại giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	
40	Gia hạn giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm của doanh nghiệp	

	nghiệp hoạt động dịch vụ việc làm.	
41	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.	
42	Đề nghị tuyển người lao động Việt Nam vào các vị trí công việc dự kiến tuyển người lao động nước ngoài của nhà thầu.	
43	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.	
44	Hỗ trợ huấn luyện thông qua Tổ chức huấn luyện cho người lao động ở khu vực không có hợp đồng lao động.	
45	Hỗ trợ kinh phí đào tạo chuyển đổi nghề nghiệp; khám bệnh nghề nghiệp; chữa bệnh nghề nghiệp; phục hồi chức năng lao động cho người lao động bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.	
46	Hỗ trợ kinh phí huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho doanh nghiệp.	
47	Đăng ký công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa.	
48	Giải quyết hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động.	
	<b>Lĩnh vực: Lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội</b>	
49	Phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền thưởng thực hiện năm trước và quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc làm chủ sở hữu.	
50	Xếp hạng Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc làm chủ sở hữu (hạng tổng công ty và tương đương, hạng I, hạng II, hạng III).	
51	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp.	
52	Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp.	
	<b>Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội</b>	
53	Thành lập cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	
54	Tổ chức lại, giải thể cơ sở trợ giúp xã hội công lập thuộc UBND tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh.	
55	Giải thể cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền thành lập của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	
56	Đăng ký thành lập cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động.	

57	Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký thành lập đối với cơ sở trợ giúp xã hội ngoài công lập thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Lao động.	
58	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội.	
59	Cấp lại và điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở trợ giúp xã hội có giấy phép hoạt động do Sở Lao động cấp.	
60	Quyết định công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật.	
61	Gia hạn quyết định công nhận cơ sở sản xuất kinh doanh sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là người khuyết tật.	
	<b>Lĩnh vực: Người có công</b>	
62	Thực hiện chế độ trợ cấp một lần đối với thân nhân người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế, người có công giúp đỡ cách mạng đã chết.	
63	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người được cử làm chuyên gia sang giúp Lào và Căm - pu - chia.	
64	Trợ cấp một lần đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chia-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	
65	Trợ cấp hàng tháng đối với đối tượng tham gia chiến tranh bảo vệ tổ quốc và làm nhiệm vụ quốc tế ở Căm-pu-chia-a, giúp bạn Lào sau ngày 30/4/1975 đã phục viên, xuất ngũ, thôi việc.	
66	Giải quyết chế độ đối với thân nhân liệt sỹ.	
67	Giải quyết chế độ trợ cấp thờ cúng liệt sỹ.	
68	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với bà mẹ Việt Nam anh hùng.	
69	Giải quyết chế độ ưu đãi đối với anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, anh hùng lao động trong thời kỳ kháng chiến.	
70	Giải quyết chế độ đối với thương binh, người hưởng chính sách như thương binh.	
71	Giám định lại thương tật do vết thương cũ tái phát và điều chỉnh chế độ.	
72	Giám định vết thương còn sót.	
73	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là bệnh binh.	
74	Giải quyết chế độ đối với thương binh đồng thời là người hưởng chế độ mất sức lao động.	

75	Giải quyết hưởng chế độ ưu đãi đối với người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học.	
76	Giải quyết chế độ người hoạt động cách mạng hoặc hoạt động kháng chiến bị địch bắt tù, đày.	
77	Giải quyết chế độ người hoạt động kháng chiến giải phóng dân tộc, bảo vệ tổ quốc và làm nghĩa vụ quốc tế.	
78	Giải quyết chế độ người có công giúp đỡ cách mạng.	
79	Giải quyết trợ cấp tiền tuất hàng tháng cho thân nhân khi người có công với cách mạng từ trần.	
80	Thủ tục hưởng mai táng phí và trợ cấp một lần khi người có công với cách mạng từ trần.	
81	Mua bảo hiểm y tế đối với người có công và thân nhân.	
82	Hưởng lại chế độ ưu đãi đối với người có công hoặc thân nhân trong trường hợp: - Bị tạm đình chỉ chế độ do bị kết án tù đã chấp hành xong hình phạt tù. - Bị tạm đình chỉ do xuất cảnh trái phép nay đã trở về nước cư trú. - Đã đi khỏi địa phương nhưng không làm thủ tục di chuyển hồ sơ nay quay lại đề nghị tiếp tục hưởng chế độ. - Bị tạm đình chỉ chế độ chờ xác minh của cơ quan điều tra.	
83	Di chuyển hồ sơ người có công với cách mạng.	
84	Thực hiện chế độ ưu đãi trong giáo dục đào tạo đối với người có công với cách mạng và con của họ.	
85	Giải quyết trợ cấp một lần đối với người có thành tích tham gia kháng chiến đã được tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch hội đồng Bộ trưởng hoặc bằng khen của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, bằng khen của Chủ tịch của UBND cấp tỉnh.	
86	Hỗ trợ, di chuyển hài cốt liệt sĩ.	
87	Lập sổ theo dõi và cấp phương tiện trợ giúp, dụng cụ chỉnh hình.	
88	Đính chính thông tin trên bia mộ liệt sĩ.	
89	Trợ cấp hàng tháng đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành nhiệm vụ trong kháng chiến.	
90	Trợ cấp một lần đối với thanh niên xung phong đã hoàn thành	



	nhiệm vụ trong kháng chiến.	
91	Bổ sung tình hình thân nhân trong hồ sơ liệt sỹ.	
92	Sửa đổi thông tin cá nhân trong hồ sơ người có công.	
93	Giải quyết chế độ trợ cấp đối với vợ hoặc chồng liệt sỹ đi lấy chồng hoặc vợ khác.	
94	Xác nhận thương binh, người hưởng chính sách như thương binh đối với người bị thương không thuộc lực lượng công an, quân đội trong chiến tranh từ ngày 31/12/1991 trở về trước không còn giấy tờ.	
	<b>Lĩnh vực: Phòng chống tệ nạn xã hội</b>	
95	Cấp giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	
96	Gia hạn giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	
97	Cấp lại giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	
98	Đề nghị chấm dứt hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	
99	Sửa đổi, bổ sung giấy phép thành lập cơ sở hỗ trợ nạn nhân.	
<b>II</b>	<b>BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP (47 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Đầu tư</b>	
1	Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	
2	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	
3	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	
4	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh (đối với dự án đầu tư không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	
5	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	
6	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	
7	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư	

8	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư).	
9	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh.	
10	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.	
11	Chuyển nhượng dự án đầu tư.	
12	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.	
13	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.	
14	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	
15	Hiệu đính thông tin trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	
16	Nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	
17	Giãn tiến độ đầu tư.	
18	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư.	
19	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.	
20	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	
21	Chấm dứt hoạt động văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	
22	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho dự án hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.	
23	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư.	
24	Bảo đảm đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục áp dụng ưu đãi đầu tư.	
25	Quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các Khu công nghiệp.	
26	Điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ban Quản lý các Khu công nghiệp.	
	<b>Lĩnh vực: thương mại</b>	

27	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam đặt trụ sở tại khu công nghiệp (trường hợp việc thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành).	
28	Điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam đặt trụ sở tại khu công nghiệp (trường hợp việc điều chỉnh nội dung hoạt động của Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành).	
29	Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam (trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện từ một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý đến một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác hoặc khu vực địa lý thuộc phạm vi quản lý của một Ban quản lý khác).	
30	Cấp lại giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam đặt trụ sở tại khu công nghiệp (trường hợp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy dưới mọi hình thức).	
31	Gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam đặt trụ sở tại khu công nghiệp (trường hợp việc gia hạn giấy phép thành lập Văn phòng đại diện chưa được quy định tại văn bản quy phạm pháp luật chuyên ngành).	
32	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam đặt trụ sở tại khu công nghiệp.	
	<b>Lĩnh vực: Xây dựng</b>	
33	Cấp giấy phép xây dựng (giấy phép xây dựng mới).	
34	Cấp giấy phép xây dựng (giấy phép sửa chữa, cải tạo, giấy phép di dời công trình).	
35	Điều chỉnh giấy phép xây dựng.	
36	Gia hạn giấy phép xây dựng.	
37	Cấp lại giấy phép xây dựng.	
38	Thẩm định thiết kế cơ sở (trường hợp dự án từ nhóm B trở xuống).	
	<b>Lĩnh vực: Lao động</b>	

39	Cấp giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	
40	Cấp lại giấy phép lao động cho người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.	
41	Chấp thuận cho doanh nghiệp đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hình thức thực tập nâng cao tay nghề dưới 90 ngày.	
42	Báo cáo giải trình nhu cầu, thay đổi nhu cầu sử dụng người lao động nước ngoài.	
43	Xác nhận người lao động nước ngoài không thuộc diện cấp giấy phép lao động.	
44	Đăng ký nội quy lao động của doanh nghiệp.	
45	Gửi thỏa ước lao động tập thể cấp doanh nghiệp.	
46	Gửi thang bảng lương, định mức lao động của doanh nghiệp.	
	<b>Lĩnh vực: Môi trường</b>	
47	Xác nhận Kế hoạch bảo vệ môi trường (Đối với các dự án Ban quản lý các KCN nhận ủy quyền từ sở Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Bình Xuyên).	
<b>III</b>	<b>BAN DÂN TỘC TỈNH (03 TTHC)</b>	
1	Tổng hợp đối tượng thụ hưởng chính sách theo Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn.	
2	Công nhận người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	
3	Đưa ra khỏi danh sách người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số.	
<b>IV</b>	<b>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (99 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Đất đai</b>	
1	Điều chỉnh quyết định thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành trước ngày 01 tháng 7 năm 2004.	
2	Gia hạn sử dụng đất nông nghiệp của cơ sở Tôn giáo.	
	Thẩm định nhu cầu sử dụng đất; thẩm định điều kiện giao đất,	

3	cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, điều kiện cho phép chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư đối với tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	
4	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt hoặc phải cấp giấy chứng nhận đầu tư mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	
5	Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất đối với dự án không phải trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xét duyệt; dự án không phải cấp giấy chứng nhận đầu tư; trường hợp không phải lập dự án đầu tư xây dựng công trình mà người xin giao đất, thuê đất là tổ chức, cơ sở tôn giáo, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao.	
6	Chuyển mục đích sử dụng đất phải được phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với tổ chức, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	
7	Thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng.	
8	Thu hồi đất do chấm dứt việc sử dụng đất theo pháp luật, tự nguyện trả lại đất đối với trường hợp thu hồi đất của tổ chức, cơ sở tôn giáo, tổ chức nước ngoài có chức năng ngoại giao, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	
9	Thu hồi đất ở trong khu vực bị ô nhiễm môi trường có nguy cơ đe dọa tính mạng con người; đất ở có nguy cơ sạt lở, sụt lún, bị ảnh hưởng bởi hiện tượng thiên tai khác đe dọa tính mạng con người đối với trường hợp thu hồi đất ở thuộc dự án nhà ở của tổ chức kinh tế, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.	
10	Thẩm định phương án sử dụng đất của các Công ty lâm, nông nghiệp.	
11	Đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu.	
12	Đăng ký đất đai lần đầu đối với trường hợp được Nhà nước giao quản lý.	

13	Đăng ký và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu.	
14	Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người đã đăng ký quyền sử dụng đất lần đầu.	
15	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu đối với tài sản gắn liền với đất mà chủ sở hữu không đồng thời là người sử dụng đất.	
16	Đăng ký thay đổi tài sản gắn liền với đất vào Giấy chứng nhận đã cấp.	
17	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất, mua nhà ở, công trình xây dựng trong các dự án phát triển nhà ở.	
18	Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với trường hợp đã chuyển quyền sử dụng đất trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 mà bên chuyển quyền đã được cấp Giấy chứng nhận nhưng chưa thực hiện thủ tục chuyển quyền theo quy định.	
19	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp chuyển nhượng, cho thuê, cho thuê lại, thừa kế, tặng cho, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; chuyển quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất của vợ hoặc chồng thành của chung vợ và chồng; <i>tặng thêm diện tích do nhận chuyển nhượng, thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất đã có Giấy chứng nhận.</i>	
20	Bán hoặc góp vốn bằng tài sản gắn liền với đất thuê của Nhà nước theo hình thức thuê đất trả tiền hàng năm.	
21	Đăng ký biến động quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất trong các trường hợp giải quyết tranh chấp, khiếu nại, tố cáo về đất đai; xử lý nợ hợp đồng thế chấp, góp vốn; kê biên, đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất để thi hành án; chia, tách, hợp nhất, sáp nhập tổ chức; thỏa thuận hợp nhất hoặc phân chia quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của hộ gia đình, của vợ và chồng, của nhóm người sử dụng đất; <i>đăng ký biến động đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đưa quyền sử dụng đất vào doanh nghiệp.</i>	
	Đăng ký biến động đối với trường hợp chuyển từ hình thức thuê đất trả tiền hàng năm sang thuê đất trả tiền một lần cho cả	

22	thời gian thuê hoặc từ giao đất không thu tiền sử dụng đất sang hình thức thuê đất hoặc từ thuê đất sang giao đất có thu tiền sử dụng đất.	
23	Cấp lại Giấy chứng nhận hoặc cấp lại Trang bổ sung của Giấy chứng nhận do bị mất.	
24	Đăng ký chuyển mục đích sử dụng đất không phải xin phép cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	
25	Chuyển nhượng vốn đầu tư là giá trị quyền sử dụng đất.	
26	Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp.	
27	Xóa đăng ký cho thuê, cho thuê lại, góp vốn bằng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất.	
28	Đăng ký biến động về sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất do thay đổi thông tin về người được cấp Giấy chứng nhận (đổi tên hoặc giấy tờ pháp nhân, giấy tờ nhân thân, địa chỉ); giảm diện tích thửa đất do sạt lở tự nhiên; thay đổi về hạn chế quyền sử dụng đất; thay đổi về nghĩa vụ tài chính; thay đổi về tài sản gắn liền với đất so với nội dung đã đăng ký, cấp Giấy chứng nhận.	
29	Đăng ký xác lập quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề sau khi được cấp Giấy chứng nhận lần đầu và đăng ký thay đổi, chấm dứt quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề.	
30	Gia hạn sử dụng đất ngoài khu công nghệ cao, khu kinh tế.	
31	Tách thửa, hợp thửa đất.	
32	Cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.	
33	Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện.	
34	Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân cấp tỉnh.	
	<b>Lĩnh vực: Giao dịch bảo đảm về đất đai</b>	
35	Đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (gồm trường hợp đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất hoặc đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất đồng thời với tài sản gắn liền với đất hoặc đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất).	
36	Đăng ký thế chấp dự án đầu tư xây dựng nhà ở, nhà ở hình thành trong tương lai.	

37	Đăng ký thế chấp tài sản gắn liền với đất không phải là nhà ở mà tài sản đó đã hình thành nhưng chưa được chứng nhận quyền sở hữu trên Giấy chứng nhận.	
38	Đăng ký bảo lưu quyền sở hữu trong trường hợp mua bán tài sản gắn liền với đất có bảo lưu quyền sở hữu.	
39	Đăng ký thay đổi nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký.	
40	Sửa chữa sai sót nội dung biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất đã đăng ký do lỗi của cơ quan đăng ký.	
41	Đăng ký văn bản thông báo về việc xử lý tài sản thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	
42	Chuyển tiếp đăng ký thế chấp quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng mua bán nhà ở.	
43	Xóa đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.	
	<b>Lĩnh vực: Môi trường</b>	
44	Cấp giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường đối với tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất.	
45	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận hết hạn).	
46	Cấp lại giấy xác nhận đủ điều kiện về bảo vệ môi trường trong nhập khẩu phế liệu làm nguyên liệu sản xuất cho tổ chức, cá nhân trực tiếp sử dụng phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất (trường hợp Giấy xác nhận bị mất hoặc hư hỏng).	
47	Cấp Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.	
48	Cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.	
49	Thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.	
50	Cấp giấy xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường phục vụ giai đoạn vận hành dự án.	
51	Xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường.	
52	Xác nhận Đề án bảo vệ môi trường đơn gian.	



53	Thẩm định, phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết.	
54	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản ( <i>trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i> ).	
55	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản ( <i>trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i> ).	
56	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường đối với hoạt động khai thác khoáng sản ( <i>trường hợp có phương án và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i> ).	
57	Thẩm định, phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản ( <i>trường hợp có phương án bổ sung và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng cơ quan thẩm quyền phê duyệt</i> ).	
58	Xác nhận hoàn thành từng phần Phương án cải tạo, phục hồi môi trường, Phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đối với hoạt động khai thác khoáng sản.	
59	Chấp thuận việc điều chỉnh, thay đổi nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường liên quan đến phạm vi, quy mô, công suất, công nghệ sản xuất, các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.	
60	Chấp thuận tách đầu nối khỏi hệ thống xử lý nước thải tập trung khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và tự xử lý nước thải phát sinh.	
61	Chấp thuận điều chỉnh về quy mô, quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật, danh mục ngành nghề trong khu công nghiệp.	
	<b>Lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản</b>	
62	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản.	
63	Đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.	
64	Cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.	
65	Gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản.	

66	Chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.	
67	Trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản.	
68	Phê duyệt trữ lượng khoáng sản.	
69	Tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (đối với trường hợp Giấy phép khai thác khoáng sản đã được cấp trước ngày Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực).	
70	Cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình.	
71	Cấp giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	
72	Gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	
73	Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản.	
74	Trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.	
75	Trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.	
76	Chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.	
77	Đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch.	
78	Đóng cửa mỏ khoáng sản.	
79	Chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.	
	<b>Lĩnh vực Tài nguyên nước</b>	
80	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	
81	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	
82	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	
83	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có lưu lượng dưới	

	3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	
84	Cấp giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	
85	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản với lưu lượng dưới 2m <sup>3</sup> /giây; phát điện với công suất lắp máy dưới 2.000kw; cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 50.000m <sup>3</sup> /ngày đêm.	
86	Cấp giấy phép xả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	
87	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phépxả nước thải vào nguồn nước với lưu lượng dưới 30.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với hoạt động nuôi trồng thủy sản; với lưu lượng dưới 3.000m <sup>3</sup> /ngày đêm đối với các hoạt động khác.	
88	Cấp lại giấy phép tài nguyên nước.	
89	Cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	
90	Gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ.	
91	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất.	
92	Lấy ý kiến cấp tỉnh đối với các dự án đầu tư có chuyên nước từ nguồn nước liên tỉnh, dự án đầu tư xây dựng hồ, đập trên dòng chính thuộc lưu vực sông liên tỉnh.	
93	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước đối với hồ chứa thủy điện và hồ chứa thủy lợi.	
94	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.	
95	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với trường hợp tổ chức, cá nhân đã được cấp giấy phép trước ngày Nghị định số 82/2017/NĐ-CP có hiệu lực thi hành.	
	<b>Lĩnh vực: Khí tượng thủy văn</b>	
96	Cấp giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	
97	Sửa đổi, bổ sung, gia hạn giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	
98	Cấp lại giấy phép hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.	

	<b>Lĩnh vực: Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường</b>	
99	Khai thác và sử dụng thông tin, dữ liệu tài nguyên và môi trường.	
<b>V</b>	<b>SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI (80 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Giao thông đường bộ</b>	
1	Đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.	
2	Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp.	
3	Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp.	
4	Cấp lại giấy phép lái xe.	
5	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài.	
6	Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam.	
7	Cấp giấy phép xe tập lái.	
8	Cấp lại giấy phép xe tập lái.	
9	Cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	
10	Cấp lại giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.	
11	Cấp giấy Chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.	
12	Cấp lại giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.	
13	Cấp giấy phép đào tạo lái xe ô tô.	
14	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo.	
15	Cấp lại giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác.	
16	Cấp giấy phép liên vận Việt nam – Campuchia.	
17	Gia hạn giấy phép liên vận Campuchia – Việt Nam cho phương tiện của Campuchia tại Việt Nam.	
18	Cấp giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện.	
19	Cấp lại giấy phép liên vận Việt –Lào cho phương tiện.	

20	Gia hạn giấy phép liên vận Việt –Lào và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện Lào.	
21	Cấp giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia-Lào-Việt Nam.	
22	Gia hạn giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia-Lào-Việt Nam và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào và Campuchia.	
23	Công bố đưa bến xe hàng vào khai thác.	
24	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép bị hư hỏng, hết hạn, bị mất hoặc có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép.	
25	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam- Lào- Campuchia.	
26	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác.	
27	Công bố lại đưa bến xe khách vào khai thác.	
28	Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định.	
29	Cấp phù hiệu xe nội bộ.	
30	Cấp lại phù hiệu xe nội bộ.	
31	Cấp phù hiệu xe trung chuyển.	
32	Cấp giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.	
33	Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.	
34	Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.	
35	Cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.	
36	Cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.	
37	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng bị mất.	
38	Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý.	
39	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.	
40	Cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến.	

41	Cấp giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có thời hạn.	
42	Cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời xe máy chuyên dùng.	
43	Đổi giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.	
44	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác.	
45	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác.	
46	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác.	
47	Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ.	
48	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ.	
49	Chấp thuận xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ đối với hệ thống quốc lộ đang khai thác.	
50	Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý.	
51	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác.	
52	Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển.	
53	Cấp lại giấy phép vận tải qua biên giới Campuchia-Lào-Việt Nam.	
54	Cấp giấy phép lái xe Quốc tế.	
55	Cấp lại giấy phép lái xe Quốc tế.	
56	Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu hết hiệu lực.	
57	Gia hạn chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức thi công của nút giao đầu nối vào quốc lộ.	
58	Xóa sổ đăng ký xe máy chuyên dùng.	
59	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây	

	dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ đang khai thác.	
	<b>Lĩnh vực: Giao thông đường thủy</b>	
60	Chấp thuận chủ trương xây dựng bến thủy nội địa.	
61	Cấp giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.	
62	Cấp lại giấy phép hoạt động bến thủy nội địa.	
63	Chấp thuận vận tải hành khách ngang sông .	
64	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô.	
65	Phê duyệt điều chỉnh quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô.	
66	Dự thi, kiểm tra lấy giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba, chứng chỉ chuyên môn nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề) và chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc Sở Giao thông vận tải.	
67	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải.	
68	Chấp thuận vận tải hành khách, hành lý, bao gửi theo tuyến cố định đối với tổ chức, cá nhân Việt Nam..	
69	Cấp giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ. trong phạm vi địa phương.	
70	Cấp biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch.	
71	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính tỉnh khác.	
72	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa.	
73	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa.	
74	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa.	

75	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	
76	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện.	
77	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật.	
78	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	
79	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở dạy nghề thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa hạng tư, chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản, chứng chỉ nghiệp vụ. trong phạm vi địa phương.	
80	Cấp lại biển hiệu phương tiện thủy vận chuyển khách du lịch trong trường hợp biển hiệu bị mất hoặc hỏng không sử dụng được.	
<b>VI</b>	<b>SỞ TƯ PHÁP (150 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Lý lịch tư pháp</b>	
1	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam.	
2	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam).	
3	Cấp phiếu lý lịch tư pháp cho cơ quan tiến hành tố tụng (đối tượng là công dân Việt Nam, người nước ngoài đang cư trú tại Việt Nam).	
	<b>Lĩnh vực: Hộ tịch</b>	
4	Giải quyết việc người nước ngoài thường trú ở Việt Nam nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi.	
5	Đăng ký lại việc nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài.	
6	Cấp bản sao trích lục hộ tịch.	
	<b>Lĩnh vực: Quốc tịch</b>	
7	Nhập quốc tịch Việt Nam.	
8	Trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước.	
9	Thôi quốc tịch Việt Nam ở trong nước.	
10	Thông báo có quốc tịch nước ngoài.	



11	Cấp giấy xác nhận là người gốc Việt Nam.	
12	Cấp giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước.	
	<b>Lĩnh vực: Bồi thường nhà nước</b>	
13	Thủ tục phục hồi danh dự.	
14	Thủ tục xác định cơ quan giải quyết bồi thường.	
15	Thủ tục giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.	
	<b>Lĩnh vực: Luật sư</b>	
16	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.	
17	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.	
18	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên.	
19	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh.	
20	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư.	
21	Chấm dứt hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư.	
22	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân.	
23	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	
24	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	
25	Hợp nhất công ty luật.	
26	Sáp nhập công ty luật.	
27	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh.	
28	Chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật.	
29	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư, chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư.	
30	Phê duyệt Đề án tổ chức Đại hội nhiệm kỳ, phương án xây dựng Ban chủ nhiệm, Hội đồng khen thưởng, kỷ luật nhiệm kỳ mới của Đoàn luật sư.	
31	Phê chuẩn kết quả Đại hội luật sư.	
32	Giải thể Đoàn luật sư.	

33	Đăng ký hoạt động của công ty luật Việt Nam chuyển đổi từ công ty luật nước ngoài.	
34	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài tại Việt Nam.	
35	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài.	
	<b>Lĩnh vực: Tư vấn pháp luật</b>	
36	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật.	
37	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật.	
38	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh.	
39	Chấm dứt hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp theo quyết định của tổ chức chủ quản.	
40	Chấm dứt hoạt động Trung tâm tư vấn pháp luật trong trường hợp bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động.	
41	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh Trung tâm tư vấn pháp luật.	
42	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh.	
43	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật.	
44	Thu hồi thẻ tư vấn viên pháp luật.	
45	Cấp lại thẻ tư vấn viên pháp luật.	
	<b>Lĩnh vực: Công chứng</b>	
46	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng.	
47	Thay đổi nơi tập sự hành nghề công chứng từ tổ chức hành nghề công chứng này sang tổ chức hành nghề công chứng khác trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	
48	Thay đổi nơi tập sự từ tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.	
49	Đăng ký tập sự hành nghề công chứng trường hợp người tập sự thay đổi nơi tập sự sang tổ chức hành nghề công chứng tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.	
50	Tạm ngừng tập sự hành nghề công chứng.	

51	Chấm dứt tập sự hành nghề công chứng.	
52	Đăng ký tập sự lại hành nghề công chứng sau khi chấm dứt tập sự hành nghề công chứng.	
53	Từ chối hướng dẫn tập sự (trường hợp tổ chức hành nghề công chứng không có công chứng viên khác đủ điều kiện hướng dẫn tập sự).	
54	Thay đổi công chứng viên hướng dẫn tập sự.	
55	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề công chứng.	
56	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên.	
57	Cấp lại Thẻ công chứng viên.	
58	Xóa đăng ký hành nghề của công chứng viên.	
59	Thành lập Văn phòng công chứng.	
60	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng.	
61	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng.	
62	Chấm dứt hoạt động Văn phòng công chứng (trường hợp tự chấm dứt).	
63	Thu hồi quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng.	
64	Hợp nhất Văn phòng công chứng.	
65	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất.	
66	Sáp nhập Văn phòng công chứng.	
67	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập.	
68	Chuyển nhượng Văn phòng công chứng.	
69	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng được chuyển nhượng.	
70	Chuyển đổi Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập.	
71	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng được chuyển đổi từ Văn phòng công chứng do một công chứng viên thành lập.	
72	Thành lập Hội công chứng viên.	
	<b>Lĩnh vực Giám định tư pháp</b>	

73	Bỏ nhiệm giám định viên tư pháp.	
74	Miễn nhiệm giám định viên tư pháp.	
75	Cấp phép thành lập văn phòng giám định tư pháp.	
76	Đăng ký hoạt động văn phòng giám định tư pháp.	
77	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.	
78	Thay đổi, bổ sung lĩnh vực giám định của Văn phòng giám định tư pháp.	
79	Chuyển đổi loại hình Văn phòng giám định tư pháp.	
80	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp.	
81	Chấm dứt hoạt động Văn phòng giám định tư pháp.	
82	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, người đại diện theo pháp luật của Văn phòng.	
83	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng giám định tư pháp trong trường hợp Giấy đăng ký hoạt động bị hư hỏng hoặc bị mất.	
	<b>Lĩnh vực: Đấu giá tài sản</b>	
84	Cấp Thẻ đấu giá viên.	
85	Thu hồi Thẻ đấu giá viên.	
86	Cấp lại Thẻ đấu giá viên.	
87	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.	
88	Đăng ký thay đổi nội dung hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.	
89	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành chuyển đổi toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.	
90	Đăng ký hoạt động đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực thi hành tiếp tục hoạt động đấu giá tài sản và kinh doanh các ngành nghề khác.	
91	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.	
92	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài	

	sản.	
93	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản.	
94	Phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến.	
95	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá.	
	<b>Lĩnh vực: Hòa giải thương mại</b>	
96	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc.	
97	Thôi làm hòa giải viên thương mại vụ việc khỏi danh sách hòa giải viên thương mại vụ việc của Sở Tư pháp.	
98	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại.	
99	Thay đổi tên gọi trong Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm hòa giải thương mại.	
100	Thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.	
101	Đăng ký hoạt động chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	
102	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại.	
103	Tự chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại.	
104	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	
105	Cấp lại giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	
106	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	
107	Thay đổi địa chỉ trụ sở của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.	
108	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam.	
	<b>Lĩnh vực Trọng tài thương mại</b>	
109	Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài/	
110	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm Trọng tài/	

111	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài.	
112	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài.	
113	Thu hồi giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài.	
114	Chấm dứt hoạt động của Chi nhánh/Văn phòng đại diện Trung tâm trọng tài.	
115	Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	
116	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	
117	Thu hồi Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	
118	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Tổ chức Trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	
119	Thông báo thay đổi Trưởng Văn phòng đại diện, địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	
120	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.	
121	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác.	
122	Thông báo thay đổi địa điểm đặt trụ sở của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh trung tâm trọng tài sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác.	
123	Thông báo về việc thành lập Chi nhánh/Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài tại nước ngoài.	
124	Thông báo về việc thành lập Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài.	
125	Thông báo về việc thay đổi địa điểm đặt trụ sở, Trưởng Văn phòng đại diện của Trung tâm trọng tài.	
126	Thông báo thay đổi danh sách trọng tài viên.	
127	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.	

	<b>Lĩnh vực Quản lý thanh lý tài sản</b>	
128	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân.	
129	Chấm dứt hành nghề quản lý, thanh lý tài sản với tư cách cá nhân.	
130	Thông báo việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	
131	Thay đổi thành viên hợp danh của công ty hợp danh quản lý, thanh lý tài sản.	
132	Đăng ký hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	
133	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của Quản tài viên.	
134	Thay đổi thông tin đăng ký hành nghề của doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	
135	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên.	
136	Tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	
137	Gia hạn việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	
138	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với Quản tài viên.	
139	Hủy bỏ việc tạm đình chỉ hành nghề quản lý, thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản.	
	<b>Lĩnh vực Phổ biến, giáo dục pháp luật</b>	
140	Thủ tục công nhận báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh.	
141	Thủ tục miễn nhiệm báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh.	
	<b>Lĩnh vực Trợ giúp pháp lý</b>	
142	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với Luật sư.	
143	Thủ tục lựa chọn, ký hợp đồng với tổ chức hành nghề luật sư, tổ chức tư vấn pháp luật.	
144	Thủ tục cấp lại Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.	
145	Thủ tục chấm dứt đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.	
146	Thủ tục cấp thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý.	

147	Thủ tục cấp lại thẻ cộng tác viên trợ giúp pháp lý.	
148	Thủ tục đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.	
149	Thủ tục thay đổi nội dung Giấy đăng ký tham gia trợ giúp pháp lý.	
150	Thủ tục giải quyết khiếu nại về trợ giúp pháp lý.	
<b>VII</b>	<b>SỞ NỘI VỤ (70TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện</b>	
1	Thủ tục công nhận ban vận động thành lập hội.	
2	Thủ tục thành lập hội.	
3	Thủ tục phê duyệt điều lệ hội.	
4	Thủ tục chia, tách; sáp nhập; hợp nhất hội.	
5	Thủ tục đổi tên hội.	
6	Thủ tục hội tự giải thể.	
7	Thủ tục báo cáo tổ chức đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội.	
8	Thủ tục cho phép hội đặt văn phòng đại diện.	
9	Thủ tục cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.	
10	Thủ tục công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên Hội đồng quản lý quỹ.	
11	Thủ tục công nhận thay đổi, bổ sung thành viên Hội đồng quản lý quỹ.	
12	Thủ tục thay đổi giấy phép thành lập và công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ.	
13	Thủ tục cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ.	
14	Thủ tục cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động.	
15	Thủ tục hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ.	
16	Thủ tục đổi tên quỹ.	
17	Thủ tục quỹ tự giải thể.	
	<b>Lĩnh vực: Tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập</b>	



18	Thủ tục thẩm định việc thành lập đơn vị sự nghiệp công lập.	
19	Thủ tục thẩm định việc tổ chức lại đơn vị sự nghiệp công lập.	
20	Thẩm định việc giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.	
	<b>Lĩnh vực: Quản lý nhà nước về công tác thanh niên</b>	
21	Thủ tục thành lập tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh.	
22	Thủ tục giải thể tổ chức thanh niên xung phong ở cấp tỉnh.	
23	Thủ tục xác nhận phiên hiệu thanh niên đơn vị xung phong ở cấp tỉnh.	
	<b>Lĩnh vực: Chính quyền địa phương</b>	
24	Thủ tục thành lập thôn mới, tổ dân phố mới.	
25	Thủ tục phân loại đơn vị hành chính cấp xã.	
	<b>Lĩnh vực: Thi đua - Khen thưởng</b>	
26	Tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	
27	Tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	
28	Tặng danh hiệu Chiến sỹ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	
29	Thủ tục tặng danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.	
30	Tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề.	
31	Tặng Cờ thi đua cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo đợt hoặc chuyên đề.	
32	Tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đợt xuất.	
33	Tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương cho gia đình.	
34	Tặng thưởng Bằng khen cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về thành tích đối ngoại.	
	<b>Lĩnh vực: Văn thư-Lưu trữ</b>	
35	Thủ tục cấp, cấp lại Chứng chỉ hành nghề lưu trữ.	
	<b>Lĩnh vực: Tín ngưỡng, tôn giáo</b>	
36	Thủ tục đề nghị công nhận tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động	

	ở một tỉnh.	
37	Thủ tục đăng ký sửa đổi hiến chương của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	
38	Thủ tục đề nghị thành lập, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	
39	Thủ tục đăng ký chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành là người đang bị buộc tội hoặc chưa được xóa án tích.	
40	Thủ tục đề nghị sinh hoạt tôn giáo tập trung của người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam.	
41	Thủ tục đề nghị mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào Việt Nam thực hiện hoạt động tôn giáo ở một tỉnh.	
42	Thủ tục đề nghị mời chức sắc, nhà tu hành là người nước ngoài đến giảng đạo cho tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	
43	Thủ tục đề nghị thay đổi tên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	
44	Thủ tục đề nghị thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc.	
45	Thủ tục thông báo về việc thay đổi trụ sở của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều tỉnh ( <i>thuộc thẩm quyền tiếp nhận của 02 cơ quan</i> ).	
46	Thủ tục đề nghị cấp đăng ký pháp nhân phi thương mại cho tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	
47	Thủ tục đề nghị tự giải thể của tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương.	
48	Thủ tục đề nghị giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức.	
49	Thủ tục thông báo về việc đã giải thể tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định của hiến chương của tổ chức.	
50	Thủ tục thông báo tổ chức quyên góp không thuộc quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 162/2017/NĐ-CP.	
51	Thủ tục đề nghị cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo cho tổ chức có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	

52	Thủ tục thông báo người được phong phẩm hoặc suy cử làm chức sắc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	
53	Thủ tục thông báo hủy kết quả phong phẩm hoặc suy cử chức sắc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 33 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	
54	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	
55	Thủ tục đăng ký người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	
56	Thủ tục thông báo người được bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc đối với các trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	
57	Thủ tục thông báo về người bổ nhiệm, bầu cử, suy cử làm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	
58	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	
59	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	
60	Thủ tục thông báo kết quả bổ nhiệm, bầu cử, suy cử những người lãnh đạo tổ chức đối với tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở một tỉnh theo quy định tại Khoản 7 Điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	
61	Thủ tục thông báo chuyển chức sắc, chức việc, nhà tu hành.	
62	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức sắc, chức việc đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 33 và khoản 2 điều 34 của Luật tín ngưỡng, tôn giáo.	
63	Thủ tục thông báo cách chức, bãi nhiệm chức việc của tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một tỉnh.	

64	Thủ tục đăng ký mở lớp bồi dưỡng về tôn giáo cho người chuyên hoạt động tôn giáo.	
65	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh.	
66	Thủ tục thông báo danh mục hoạt động tôn giáo bổ sung đối với tổ chức có địa bàn hoạt động tôn giáo ở nhiều huyện thuộc một tỉnh.	
67	Thủ tục thông báo tổ chức hội nghị thường niên của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh.	
68	Thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở nhiều huyện thuộc một tỉnh.	
69	Thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh.	
70	Thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở nhiều huyện thuộc một tỉnh hoặc ở nhiều tỉnh.	
<b>VIII</b>	<b>SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (63 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Tiêu chuẩn đo lường chất lượng</b>	
1	Thủ tục công bố sử dụng dấu định lượng.	
2	Thủ tục điều chỉnh nội dung bản công bố sử dụng dấu định lượng.	
3	Thủ tục đăng ký kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo, lượng của hàng đóng gói sẵn nhập khẩu.	
4	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả chứng nhận hợp chuẩn của tổ chức chứng nhận.	
5	Thủ tục đăng ký công bố hợp chuẩn dựa trên kết quả tự đánh giá của tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh.	
6	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.	
7	Thủ tục đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa nhập khẩu, dịch vụ, quá trình, môi trường được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Khoa học và Công nghệ	

	ban hành.	
8	Thủ tục cấp Giấy xác nhận đăng ký hoạt động xét tặng giải thưởng chất lượng sản phẩm, hàng hoá của tổ chức, cá nhân.	
9	Thủ tục chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp hoạt động thử nghiệm, giám định, kiểm định, chứng nhận .	
10	Thủ tục thay đổi, bổ sung phạm vi, lĩnh vực đánh giá sự phù hợp được chỉ định.	
11	Thủ tục cấp lại Quyết định chỉ định tổ chức đánh giá sự phù hợp	
12	Thủ tục cấp mới Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	
13	Thủ tục cấp bổ sung Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	
14	Thủ tục cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng nguy hiểm là các chất ôxy hóa, các hợp chất ô xít hữu cơ (thuộc loại 5) và các chất ăn mòn (thuộc loại 8) bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ, đường sắt và đường thủy nội địa.	
	<b>Lĩnh vực: Năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân</b>	
15	Thủ tục khai báo thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế.	
16	Thủ tục cấp giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế).	
17	Thủ tục gia hạn giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế).	
18	Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế).	
19	Thủ tục cấp lại giấy phép tiến hành công việc bức xạ (sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán trong y tế),	
20	Thủ tục cấp mới và cấp lại chứng chỉ nhân viên bức xạ (người phụ trách an toàn cơ sở X-quang chẩn đoán trong y tế).	
21	Thủ tục phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ hạt nhân cấp cơ sở (đối với công việc sử dụng thiết bị X-quang y tế).	
	<b>Lĩnh vực: Sở hữu trí tuệ</b>	
22	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt động giám định sở hữu công nghiệp.	
23	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hoạt	

	động giám định sở hữu công nghiệp.	
24	Thủ tục tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức chủ trì dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).	
25	Thủ tục đề nghị thay đổi, điều chỉnh trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).	
26	Thủ tục đề nghị chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).	
27	Thủ tục đánh giá, nghiệm thu và công nhận kết quả thực hiện dự án thuộc Chương trình phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2016-2020 (đối với dự án địa phương quản lý).	
	<b>Lĩnh vực: Hoạt động khoa học và công nghệ</b>	
28	Thủ tục bổ nhiệm giám định viên tư pháp.	
29	Thủ tục miễn nhiệm giám định viên tư pháp.	
30	Thủ tục xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính, kỹ sư chính (hạng II).	
31	Thủ tục xét tuyển dụng đặc cách và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu, kỹ thuật viên (hạng IV), nghiên cứu viên, kỹ sư (hạng III).	
32	Thủ tục xét đặc cách bổ nhiệm vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác.	
33	Thủ tục xem xét kéo dài thời gian công tác khi đủ tuổi nghỉ hưu cho cá nhân giữ chức danh khoa học, chức danh công nghệ tại tổ chức khoa học và công nghệ công lập.	
34	Thủ tục đặt và tặng giải thưởng về khoa học và công nghệ của tổ chức, cá nhân cư trú hoặc hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.	
35	Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	
36	Thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	
37	Đánh giá đồng thời thẩm định kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước mà có tiềm ẩn yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, quốc phòng, an ninh, môi trường, tính mạng, sức khỏe con người.	

38	Thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.	
39	Thủ tục đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.	
40	Giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.	
41	Thủ tục công nhận kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.	
42	Thủ tục hỗ trợ kinh phí, mua kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ do tổ chức, cá nhân tự đầu tư nghiên cứu.	
43	Thủ tục mua sáng chế, sáng kiến.	
44	Thủ tục hỗ trợ phát triển tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ.	
45	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp có dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư, địa bàn ưu đãi đầu tư nhận chuyển giao công nghệ từ tổ chức khoa học và công nghệ.	
46	Thủ tục hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân thực hiện giải mã công nghệ.	
47	Thủ tục hỗ trợ tổ chức khoa học và công nghệ có hoạt động liên kết với tổ chức ứng dụng, chuyển giao công nghệ địa phương để hoàn thiện kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.	
48	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ).	
49	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký gia hạn, sửa đổi, bổ sung nội dung chuyển giao công nghệ (trừ những trường hợp thuộc thẩm quyền của Bộ Khoa học và Công nghệ).	
50	Thủ tục xác nhận hàng hóa sử dụng trực tiếp cho phát triển hoạt động ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	
51	Thủ tục Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ tài trợ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	
52	Thủ tục Đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không sử dụng ngân sách nhà nước.	

53	Thủ tục Đăng ký thông tin kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ được mua bằng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	
54	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lần đầu cho tổ chức khoa học và công nghệ.	
55	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.	
56	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của tổ chức khoa học và công nghệ.	
57	Cấp Giấy chứng nhận hoạt động lần đầu cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	
58	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	
59	Thủ tục thay đổi, bổ sung nội dung Giấy chứng nhận hoạt động cho văn phòng đại diện, chi nhánh của tổ chức khoa học và công nghệ.	
60	Thủ tục cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	
61	Thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	
62	Thủ tục sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận doanh nghiệp khoa học và công nghệ.	
63	Thủ tục yêu cầu hỗ trợ từ Quỹ phát triển khoa học và công nghệ quốc gia, bộ, địa phương.	
<b>IX</b>	<b>SỞ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG (37 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Bưu chính</b>	
1	Cấp giấy phép bưu chính.	
2	Sửa đổi, bổ sung giấy phép bưu chính.	
3	Cấp lại giấy phép bưu chính khi hết hạn.	
4	Cấp lại giấy phép bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được.	
5	Cấp văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính.	
6	Cấp lại văn bản xác nhận thông báo hoạt động bưu chính khi bị mất hoặc hư hỏng không sử dụng được.	
	<b>Lĩnh vực: Phát thanh, truyền hình và thông tin điện tử</b>	
7	Cấp đăng ký thu tín hiệu truyền hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.	
8	Sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký thu tín hiệu truyền	



	hình nước ngoài trực tiếp từ vệ tinh.	
9	Cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	
10	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	
11	Gia hạn giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	
12	Cấp lại giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	
13	Thông báo thay đổi chủ sở hữu, địa chỉ trụ sở chính của tổ chức, doanh nghiệp đã được cấp Giấy phép thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	
14	Thông báo thay đổi địa chỉ trụ sở chính, văn phòng giao dịch, địa chỉ đặt hoặc cho thuê máy chủ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng.	
15	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp trò chơi điện tử G1 trên mạng do chia tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên.	
16	Thông báo thay đổi phương thức, phạm vi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G1 trên mạng đã được phê duyệt.	
17	Thông báo thay đổi tên miền khi cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử trên trang thông tin điện tử (trên Internet), kênh phân phối trò chơi (trên mạng viễn thông di động); thể loại trò chơi (G2, G3, G4); thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng.	
18	Thông báo thay đổi cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử G2, G3, G4 trên mạng do chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi công ty theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp; thay đổi phần vốn góp dẫn đến thay đổi thành viên góp vốn (hoặc cổ đông) có phần vốn góp từ 30% vốn điều lệ trở lên.	
	<b>Lĩnh vực: Báo chí</b>	
19	Trung bày tranh, ảnh và các hình thức thông tin khác bên ngoài trụ sở cơ quan đại diện nước ngoài, tổ chức nước ngoài.	
20	Cấp giấy phép xuất bản bản tin (địa phương).	
21	Thay đổi nội dung ghi trong giấy phép xuất bản bản tin (địa phương).	
22	Cho phép hợp báo (trong nước).	
23	Cho phép hợp báo (nước ngoài).	
	<b>Lĩnh vực: Xuất bản, in và phát hành</b>	

24	Cấp phép xuất bản tài liệu không kinh doanh.	
25	Cấp Giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.	
26	Cấp lại giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.	
27	Cấp đổi giấy phép hoạt động in xuất bản phẩm.	
28	Cấp giấy phép in gia công xuất bản phẩm cho nước ngoài.	
29	Cấp giấy phép nhập khẩu xuất bản phẩm không kinh doanh.	
30	Cấp Giấy phép tổ chức triển lãm, hội chợ xuất bản phẩm.	
31	Đăng ký hoạt động phát hành xuất bản phẩm.	
32	Cấp giấy phép hoạt động in.	
33	Cấp lại giấy phép hoạt động in.	
34	Đăng ký hoạt động cơ sở in.	
35	Thay đổi thông tin đăng ký hoạt động cơ sở in.	
36	Đăng ký sử dụng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu.	
37	Chuyển nhượng máy photocopy màu, máy in có chức năng photocopy màu.	
<b>X</b>	<b>SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH (114 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Lữ hành</b>	
1	Công nhận điểm du lịch.	
2	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.	
3	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.	
4	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.	
5	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp chấm dứt hoạt động kinh doanh dịch vụ lữ hành.	
6	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp giải thể.	
7	Thu hồi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa trong trường hợp doanh nghiệp phá sản.	
8	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.	
9	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.	
10	Cấp Giấy chứng nhận khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch nội địa và hướng dẫn viên du lịch quốc tế.	
11	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.	
12	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam	

	của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp chuyển địa điểm đặt trụ sở của văn phòng đại diện.	
13	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài trong trường hợp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện bị mất, bị hủy hoại, bị hư hỏng hoặc bị tiêu hủy.	
14	Điều chỉnh Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.	
15	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài.	
16	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.	
17	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.	
18	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.	
19	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.	
	<b>Lĩnh vực: Lưu trú du lịch</b>	
20	Công nhận hạng cơ sở lưu trú du lịch: hạng 1-3 sao đối với cơ sở lưu trú du lịch (khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch).	
	<b>Lĩnh vực: Dịch vụ du lịch khác</b>	
21	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ thể thao đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.	
22	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ vui chơi, giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.	
23	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.	
24	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.	
25	Công nhận cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch.	
26	Công nhận khu du lịch cấp tỉnh.	
	<b>Lĩnh vực: Thể dục, thể thao</b>	
27	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Leo núi thể thao.	
28	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng rổ.	
29	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể	

	thao đối với môn Bóng ném.	
30	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Wushu.	
31	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao.	
32	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Yoga.	
33	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Golf.	
34	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Cầu lông.	
35	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Taekwondo.	
36	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Karate.	
37	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bơi, Lặn.	
38	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Billards & Snooker.	
39	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng bàn.	
40	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Dù lượn và Điều bay.	
41	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Khiêu vũ thể thao.	
42	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thẩm mỹ.	
43	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Judo.	
44	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Thể dục thể hình và Fitness.	
45	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lân Sư Rồng.	
46	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ đạo thể thao giải trí.	
47	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quyền anh.	
48	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Võ cổ truyền, Vovinam.	

49	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Mô tô nước trên biển.	
50	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bóng đá.	
51	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Quần vợt.	
52	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Patin.	
53	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Lặn biển thể thao giải trí.	
54	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Bắn súng thể thao.	
55	Cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động thể thao đối với môn Đấu kiếm động thể thao.	
	<b>Lĩnh vực: Di sản văn hóa</b>	
56	Đăng ký di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.	
57	Cấp phép cho người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể tại địa phương.	
58	Xác nhận đủ điều kiện cấp giấy phép hoạt động đối với bảo tàng ngoài công lập.	
59	Cấp giấy phép hoạt động bảo tàng ngoài công lập.	
60	Cấp giấy phép khai quật khẩn cấp.	
61	Cấp chứng chỉ hành nghề mua bán di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.	
62	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng cấp tỉnh, ban hoặc trung tâm quản lý di tích.	
63	Công nhận bảo vật quốc gia đối với bảo tàng ngoài công lập, tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu hoặc đang quản lý hợp pháp hiện vật.	
64	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.	
65	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh giám định cổ vật.	
66	Cấp chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.	
67	Cấp lại chứng chỉ hành nghề tu bổ di tích.	
68	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích.	
69	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hành nghề tu bổ di tích.	

	<b>Lĩnh vực: Điện ảnh</b>	
70	<p>Thủ tục Cấp giấy phép phổ biến phim.  (- Phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình do cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu;  Cấp giấy phép phổ biến phim truyện khi năm trước liền kề, các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương đáp ứng các điều kiện:  + Sản xuất ít nhất 10 phim truyện nhựa được phép phổ biến;  + Nhập khẩu ít nhất 40 phim truyện nhựa được phép phổ biến).</p>	
71	Thủ tục Cấp giấy phép phổ biến phim có sử dụng hiệu ứng đặc biệt tác động đến người xem phim (do các cơ sở điện ảnh thuộc địa phương sản xuất hoặc nhập khẩu).	
	<b>Lĩnh vực: Mỹ thuật, nhiếp ảnh và triển lãm</b>	
72	Tiếp nhận thông báo tổ chức thi sáng tác tác phẩm mỹ thuật.	
73	Cấp giấy phép triển lãm mỹ thuật.	
74	Cấp giấy phép sao chép tác phẩm mỹ thuật về danh nhân văn hóa, anh hùng dân tộc, lãnh tụ.	
75	Cấp giấy phép xây dựng tượng đài, tranh hoành tráng.	
76	Cấp giấy phép tổ chức trại sáng tác điêu khắc.	
77	Cấp giấy phép triển lãm tác phẩm nhiếp ảnh tại Việt Nam.	
78	Cấp giấy phép đưa tác phẩm nhiếp ảnh từ Việt Nam ra nước ngoài triển lãm.	
	<b>Lĩnh vực: Nghệ thuật biểu diễn</b>	
79	Cấp giấy phép tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang cho các tổ chức thuộc địa phương.	
80	Cấp giấy phép cho phép tổ chức, cá nhân Việt Nam thuộc địa phương ra nước ngoài biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang.	
81	Cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương.	
82	Cấp giấy phép tổ chức thi người đẹp, người mẫu trong phạm vi địa phương.	
83	Cấp giấy phép phê duyệt nội dung bản ghi âm, ghi hình ca múa nhạc, sân khấu cho các tổ chức thuộc địa phương.	
84	Thông báo tổ chức biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang, thi người đẹp, người mẫu.	
85	Chấp thuận địa điểm đăng cai vòng chung kết cuộc thi người đẹp, người mẫu.	

	<b>Lĩnh vực: Văn hóa cơ sở</b>	
86	Cấp giấy phép kinh doanh vũ trường.	
87	Cấp Giấy phép kinh doanh Karaoke.	
88	Công nhận lại “Cơ quan đạt chuẩn văn hóa”, “Đơn vị đạt chuẩn văn hóa”, “Doanh nghiệp đạt chuẩn văn hóa”.	
89	Tiếp nhận hồ sơ thông báo sản phẩm quảng cáo trên bảng quảng cáo, băng-rôn.	
90	Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo.	
91	Cấp Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam	
92	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.	
93	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của doanh nghiệp quảng cáo nước ngoài tại Việt Nam.	
94	Đăng ký tổ chức lễ hội.	
95	Thông báo tổ chức lễ hội.	
	<b>Lĩnh vực: Xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh</b>	
96	Cấp giấy phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.	
97	Giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức ở địa phương.	
	<b>Lĩnh vực: Hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa</b>	
98	Phê duyệt nội dung tác phẩm, mỹ thuật, tác phẩm nhiếp ảnh nhập khẩu.	
99	Phê duyệt nội dung tác phẩm điện ảnh nhập khẩu.	
100	Xác nhận danh mục sản phẩm nghe nhìn có nội dung vui chơi giải trí nhập khẩu.	
	<b>Lĩnh vực: Thư viện</b>	
101	Đăng ký hoạt động thư viện tư nhân có vốn sách ban đầu từ 2.000 bản trở lên.	
	<b>Lĩnh vực: Gia đình</b>	
102	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.	
103	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.	

104	Đổi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở hỗ trợ nạn nhân bạo lực gia đình.	
105	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.	
106	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.	
107	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.	
108	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ về chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.	
109	Cấp Giấy chứng nhận nghiệp vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình.	
110	Cấp Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.	
111	Cấp lại Thẻ nhân viên chăm sóc nạn nhân bạo lực gia đình.	
112	Cấp Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình.	
113	Cấp lại Thẻ nhân viên tư vấn phòng, chống bạo lực gia đình.	
	<b>Lĩnh vực: Quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ</b>	
114	Cho phép tổ chức triển khai sử dụng vũ khí quân dụng, súng săn, vũ khí thể thao, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ còn tính năng, tác dụng được sử dụng làm đạo cụ.	
<b>XI</b>	<b>SỞ Y TẾ (156 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Khám bệnh, chữa bệnh</b>	
1	Cấp lần đầu chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
2	Cấp bổ sung phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
3	Cấp thay đổi phạm vi hoạt động chuyên môn trong chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
4	Cấp điều chỉnh chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp đề nghị đề nghị thay đổi họ và tên, ngày tháng năm sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
5	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị mất hoặc hư hỏng chứng chỉ hành nghề hoặc bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định tại điểm a, b Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
6	Cấp lại chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với người Việt Nam bị thu hồi chứng chỉ hành nghề theo quy định	



	tại điểm c, d, đ, e và g Khoản 1 Điều 29 Luật khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
7	Cấp giấy phép hoạt động đối với bệnh viện thuộc Sở Y tế và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.	
8	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
9	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
10	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
11	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
12	Cấp giấy phép hoạt động đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
13	Cấp giấy phép hoạt động đối với phòng khám, tư vấn và điều trị dự phòng thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
14	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám, điều trị bệnh nghề nghiệp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
15	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
16	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
17	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
18	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ kính thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
19	Cấp giấy phép hoạt động đối với Phòng khám chẩn đoán hình ảnh, phòng X quang thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
20	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ thẩm mỹ thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
21	Công bố đủ điều kiện hoạt động đối với cơ sở dịch vụ xoa bóp (massage) thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
22	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm y tế cấp xã, trạm xá thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
23	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở dịch vụ làm răng giả thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
24	Công bố đủ điều kiện thực hiện khám sức khỏe cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	

25	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
26	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
27	Điều chỉnh giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức nhân sự hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
28	Cấp giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi người chịu trách nhiệm chuyên môn của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
29	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế do bị mất, hoặc hư hỏng hoặc bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền.	
30	Cho phép người hành nghề được tiếp tục hành nghề khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
31	Cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được tiếp tục hoạt động khám bệnh, chữa bệnh sau khi bị đình chỉ hoạt động chuyên môn thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
32	Cho phép cá nhân trong nước, nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	
33	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh trong nước tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	
34	Cho phép Đoàn khám bệnh, chữa bệnh nước ngoài tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế	
35	Cho phép Đội khám bệnh, chữa bệnh chữ thập đỏ lưu động tổ chức khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế.	
36	Cấp giấy phép hoạt động khám, chữa bệnh nhân đạo đối với bệnh viện trên địa bàn quản lý của Sở Y tế (trừ các bệnh viện thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế và Bộ Quốc phòng) và áp dụng đối với trường hợp khi thay đổi hình thức tổ chức, chia tách, hợp nhất, sáp nhập.	
37	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám đa khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
38	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối	

	với phòng khám chuyên khoa thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	
39	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng chẩn trị y học cổ truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
40	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng xét nghiệm thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
41	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với phòng khám chẩn đoán hình ảnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
42	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với Nhà hộ sinh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
43	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ tiêm (chích), thay băng, đếm mạch, đo nhiệt độ, đo huyết áp.	
44	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ chăm sóc sức khỏe tại nhà.	
45	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở dịch vụ cấp cứu, hỗ trợ vận chuyển người bệnh	
46	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh khi thay đổi địa điểm.	
47	Cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế khi thay đổi tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.	
48	Điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế khi thay đổi quy mô giường bệnh hoặc cơ cấu tổ chức hoặc phạm vi hoạt động chuyên môn.	
49	Cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Sở Y tế do bị mất hoặc hư hỏng hoặc giấy phép bị thu hồi do cấp không đúng thẩm quyền.	
50	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT.	
51	Cấp Giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 4, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT.	
52	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 5, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT.	
53	Cấp giấy chứng nhận là lương y cho các đối tượng quy định tại Khoản 6, Điều 1, Thông tư số 29/2015/TT-BYT.	
54	Cấp lại Giấy chứng nhận là lương y thuộc thẩm quyền của Sở	

	Y tế.	
55	Cấp Giấy chứng nhận bài thuốc gia truyền.	
56	Cấp giấy phép hoạt động đối với trạm sơ cứu chữ thập đỏ.	
57	Cấp giấy phép hoạt động đối với điểm sơ cứu chữ thập đỏ.	
58	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cứu chữ thập đỏ khi thay đổi địa điểm.	
59	Cấp lại giấy phép hoạt động đối với trạm, điểm sơ cứu chữ thập đỏ do mất, rách, hỏng.	
60	Phê duyệt lần đầu danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	
61	Phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật của các cơ sở khám, chữa bệnh thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	
62	Cấp giấy khám sức khỏe cho người đủ từ 18 tuổi trở lên.	
63	Cấp giấy khám sức khỏe cho người chưa đủ 18 tuổi.	
64	Cấp giấy khám sức khỏe cho người mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.	
65	Khám sức khỏe định kỳ.	
	<b>Lĩnh vực: Dược phẩm</b>	
66	Công bố cơ sở đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược.	
67	Điều chỉnh công bố đào tạo, cập nhật kiến thức chuyên môn về dược.	
68	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược (bao gồm cả trường hợp cấp Chứng chỉ hành nghề dược nhưng Chứng chỉ hành nghề dược bị thu hồi theo quy định tại các khoản 1, 2, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11 Điều 28 của Luật dược) theo hình thức xét hồ sơ.	
69	Cấp Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ trong trường hợp Chứng chỉ hành nghề dược bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp Chứng chỉ hành nghề dược.	
70	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ.	
71	Điều chỉnh nội dung Chứng chỉ hành nghề dược theo hình thức xét hồ sơ.	
72	Cấp lần đầu và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược đối với trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở	

	chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).	
73	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở thay đổi loại hình kinh doanh hoặc phạm vi kinh doanh dược mà có thay đổi điều kiện kinh doanh, thay đổi địa điểm kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).	
74	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).	
75	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược thuộc thẩm quyền của Sở Y tế (Cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc; Cơ sở bán lẻ thuốc bao gồm nhà thuốc, quầy thuốc, tủ thuốc trạm y tế xã, cơ sở chuyên bán lẻ dược liệu, thuốc dược liệu, thuốc cổ truyền).	
76	Thông báo hoạt động bán lẻ thuốc lưu động.	
77	Cho phép hủy thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
78	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho cơ sở kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất, nguyên liệu làm thuốc là dược chất gây nghiện, dược chất hướng thần, tiền chất dùng làm thuốc, thuốc phóng xạ; cơ sở sản xuất thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
79	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho các cơ sở kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất (trừ cơ sở sản xuất được quy định tại Điều 50 của Nghị định 54/2017/NĐ-CP); cơ sở kinh doanh thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc, thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực thuộc thẩm quyền Sở Y tế.	
80	Cho phép mua thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc tiền chất thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
81	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ	

	đối với cơ sở chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược.	
82	Cho phép bán lẻ thuốc thuộc Danh mục thuốc hạn chế bán lẻ đối với cơ sở đã được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược.	
83	Cấp phép xuất khẩu thuốc phải kiểm soát đặc biệt thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân xuất cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân xuất cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người xuất cảnh và không phải nguyên liệu làm thuốc phải kiểm soát đặc biệt.	
84	Cấp phép nhập khẩu thuốc thuộc hành lý cá nhân của tổ chức, cá nhân nhập cảnh gửi theo vận tải đơn, hàng hóa mang theo người của tổ chức, cá nhân nhập cảnh để điều trị bệnh cho bản thân người nhập cảnh.	
85	Cấp giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc theo hình thức hội thảo giới thiệu thuốc.	
86	Cấp lại Giấy xác nhận nội dung thông tin thuốc thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
87	Điều chỉnh nội dung thông tin thuốc đã được cấp Giấy xác nhận thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
88	Kê khai lại giá thuốc sản xuất trong nước.	
89	Kiểm tra và công nhận biết Tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề dược.	
90	Công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong hành nghề dược.	
91	Công bố cơ sở kinh doanh có tổ chức kệ thuốc.	
92	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.	
93	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ có kinh doanh thuốc chất gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất.	
94	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán lẻ thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.	
95	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc.	

96	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất.	
97	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.	
98	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuốc một trong các trường hợp quy định tại các điểm c và d Khoản 1 Điều 11 Thông tư 02/2018/TT-BYT.	
99	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	
100	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc có chứa tiền chất.	
101	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở bán buôn thuốc, nguyên liệu làm thuốc có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.	
102	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc đối với cơ sở kinh doanh không vì mục đích thương mại.	
103	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, có chứa tiền chất không vì mục đích thương mại.	
104	Đánh giá đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở phân phối thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất hướng thần, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực không vì mục đích thương mại.	
105	Đánh giá duy trì đáp ứng thực hành tốt cơ sở phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc.	

106	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc, nguyên liệu làm thuốc gây nghiện, thuốc hướng thần, thuốc chứa tiền chất.	
107	Đánh giá duy trì đáp ứng Thực hành tốt đối với cơ sở có kinh doanh thuốc dạng phối hợp có chứa dược chất gây nghiện, thuốc dạng phối hợp có chứa tiền chất; thuốc độc, nguyên liệu độc làm thuốc; thuốc, dược chất trong danh mục thuốc, dược chất thuộc danh mục chất bị cấm sử dụng trong một số ngành, lĩnh vực.	
108	Kiểm soát thay đổi khi có thay đổi thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm d, đ và e Khoản 1 Điều 11 Thông tư 03/2018/TT-BYT.	
	<b>Lĩnh vực: Y tế dự phòng</b>	
109	Công bố cơ sở đủ điều kiện tiêm chủng.	
110	Công bố cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học cấp I, cấp II.	
111	Xác định trường hợp được bồi thường do xảy ra tai biến trong tiêm chủng.	
112	Cấp giấy chứng nhận bị phơi nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.	
113	Cấp giấy chứng nhận bị nhiễm với HIV do tai nạn rủi ro nghề nghiệp.	
114	Cấp lại thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng.	
115	Cấp thẻ nhân viên tiếp cận cộng đồng.	
116	Thông báo hoạt động đối với tổ chức tư vấn về phòng, chống HIV/AIDS.	
117	Cấp phép vận chuyển hàng nguy hiểm là hóa chất diệt côn trùng, chế phẩm diệt côn trùng diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.	
118	Duyệt dự trù và phân phối thuốc Methadone thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Y tế.	
119	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh điều trị đặc biệt tại cơ sở khám chữa bệnh.	
120	Cấp phát thuốc Methadone cho người bệnh đặc biệt điều trị tại nhà.	
121	Công bố cơ sở đủ điều kiện sản xuất chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế.	



122	Công bố cơ sở đủ điều kiện cung cấp dịch vụ diệt côn trùng, diệt khuẩn dùng trong lĩnh vực gia dụng và y tế bằng chế phẩm.	
123	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện các chất dạng thuốc phiện đang cư trú tại cộng đồng.	
124	Đăng ký tham gia điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện các chất dạng thuốc phiện đang trong cơ sở trại giam, trại tạm giam, cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trong trường giáo dưỡng.	
125	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện ngoài cộng đồng.	
126	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện giữa các cơ sở quản lý.	
127	Chuyển tiếp điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện đối với người nghiện chất dạng thuốc phiện được trở về cộng đồng từ cơ sở quản lý.	
128	Công bố đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện	
129	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện khi có thay đổi về tên, địa chỉ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự.	
130	Công bố lại đối với cơ sở đủ điều kiện điều trị nghiện chất dạng thuốc phiện bằng phương thức điện tử khi hồ sơ công bố bị hư hỏng hoặc bị mất.	
131	Công bố lại đối với cơ sở điều trị sau khi hết thời hạn bị tạm đình chỉ.	
132	Công bố đủ điều kiện huấn luyện cấp chứng chỉ chứng nhận về y tế lao động đối với cơ sở thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
133	Công bố đủ điều kiện thực hiện hoạt động quan trắc môi trường lao động thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
	<b>Lĩnh vực: Mỹ phẩm - Trang thiết bị y tế</b>	
134	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm.	
135	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp bị mất hoặc hư hỏng.	
136	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm trong trường hợp hết hiệu lực tại Khoản 2 Điều 21 Thông tư số 09/2015/TT-BYT.	
137	Cấp lại giấy xác nhận nội dung quảng cáo mỹ phẩm khi có thay đổi về tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm và không thay đổi nội dung quảng cáo.	

138	Cấp số tiếp nhận Phiếu công bố sản phẩm mỹ phẩm sản xuất trong nước.	
139	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.	
140	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.	
141	Điều chỉnh giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất mỹ phẩm.	
142	Công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế.	
143	Công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế loại A.	
144	Công bố đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế loại B, C, D.	
	<b>Lĩnh vực: An toàn thực phẩm và dinh dưỡng</b>	
145	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với tổ chức.	
146	Cấp giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm đối với cá nhân.	
147	Đăng ký bản công bố sản phẩm nhập khẩu đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	
148	Đăng ký bản công bố sản phẩm sản xuất trong nước đối với thực phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	
149	Đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.	
	<b>Lĩnh vực: Đào tạo - Tổ chức cán bộ</b>	
150	Đề nghị bổ nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
151	Đề nghị miễn nhiệm giám định viên pháp y và giám định viên pháp y tâm thần thuộc thẩm quyền của Sở Y tế.	
152	Công bố đáp ứng yêu cầu là cơ sở thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe đối với cơ sở khám chữa bệnh thuộc Sở Y tế và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tư nhân trên địa bàn tỉnh.	
	<b>Lĩnh vực: Dân số và Kế hoạch hóa gia đình</b>	
153	Cấp giấy chứng sinh cho trường hợp trẻ em được sinh ra tại nhà hoặc không phải là cơ sở khám, chữa bệnh.	
154	Đề nghị thực hiện kỹ thuật thụ tinh trong ống nghiệm.	
155	Đề nghị thực hiện kỹ thuật mang thai hộ vì mục đích nhân đạo.	
156	Cấp giấy chứng sinh trong trường hợp trẻ sinh ra do thực hiện	

	kỹ thuật mang thai hộ.	
<b>XII</b>	<b>SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (72 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo</b>	
1	Thành lập trường trung học phổ thông công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông tư thục.	
2	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục.	
3	Cho phép trường trung học phổ thông hoạt động giáo dục trở lại.	
4	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông.	
5	Giải thể trường trung học phổ thông (theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường trung học phổ thông).	
6	Thành lập trường trung học phổ thông chuyên công lập hoặc cho phép thành lập trường trung học phổ thông chuyên tư thục.	
7	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động giáo dục.	
8	Cho phép trường trung học phổ thông chuyên hoạt động trở lại.	
9	Sáp nhập, chia tách trường trung học phổ thông chuyên.	
10	Giải thể trường trung học phổ thông chuyên.	
11	Thành lập trường phổ thông dân tộc nội trú.	
12	Cho phép trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp học cao nhất là trung học phổ thông hoạt động giáo dục.	
13	Sáp nhập, chia, tách trường phổ thông dân tộc nội trú.	
14	Giải thể trường phổ thông dân tộc nội trú (theo yêu cầu của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường).	
15	Xếp hạng Trung tâm giáo dục thường xuyên.	
16	Thành lập trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh.	
17	Cho phép trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh hoạt động giáo dục trở lại.	
18	Sáp nhập, chia tách trung tâm giáo dục cấp tỉnh thường xuyên.	
19	Giải thể trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh.	
20	Thành lập, cho phép thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học.	
21	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục.	
22	Cho phép trung tâm ngoại ngữ, tin học hoạt động giáo dục trở lại.	
23	Sáp nhập, chia tách trung tâm ngoại ngữ, tin học.	

24	Giải thể trung tâm ngoại ngữ, tin học (theo đề nghị của cá nhân tổ chức thành lập trung tâm ngoại ngữ, tin học).	
25	Thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập công lập hoặc cho phép thành lập trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập tư thực.	
26	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động giáo dục.	
27	Cho phép trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập hoạt động trở lại.	
28	Tổ chức lại, cho phép tổ chức lại trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập.	
29	Giải thể trung tâm hỗ trợ và phát triển giáo dục hòa nhập.	
30	Thành lập trường trung cấp sư phạm công lập, cho phép thành lập trường trung cấp sư phạm tư thực.	
31	Sáp nhập, chia, tách trường trung cấp sư phạm.	
32	Giải thể trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập trường trung cấp sư phạm).	
33	Cho phép hoạt động giáo dục nghề nghiệp trở lại đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp.	
34	Cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp.	
35	Đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp đối với nhóm ngành đào tạo giáo viên trình độ trung cấp.	
36	Thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm hoặc cho phép thành lập phân hiệu trường trung cấp sư phạm tư thực.	
37	Cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.	
38	Giải thể phân hiệu trường trung cấp sư phạm (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân đề nghị thành lập phân hiệu).	
39	Thành lập trường năng khiếu thể dục thể thao thuộc địa phương hoặc lớp năng khiếu thể dục, thể thao thuộc trường trung học phổ thông.	
40	Thành lập và công nhận Hội đồng quản trị trường Đại học tư thực.	
41	Thành lập và công nhận Hội đồng quản trị trường Đại học tư thực hoạt động không vì lợi nhuận.	
42	Điều chỉnh, bổ sung giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ tư vấn du học.	
43	Đề nghị được kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trở lại.	
44	Cấp phép hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo	

	dục ngoài giờ chính khóa.	
45	Xác nhận hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa.	
46	Cấp giấy phép, gia hạn giấy phép tổ chức hoạt động dạy thêm, học thêm có nội dung thuộc chương trình trung học phổ thông.	
47	Cấp Chứng nhận trường mầm non đạt kiểm định chất lượng giáo dục.	
48	Cấp Chứng nhận trường tiểu học đạt kiểm định chất lượng giáo dục.	
49	Cấp Chứng nhận trường trung học đạt kiểm định chất lượng giáo dục.	
50	Cấp giấy chứng nhận chất lượng giáo dục đối với trung tâm giáo dục thường xuyên.	
51	Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia.	
52	Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Quốc gia.	
53	Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia.	
54	Công nhận huyện đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.	
55	Chuyển trường đối với học sinh trung học phổ thông.	
56	Xin học lại tại trường khác đối với học sinh trung học.	
57	Tiếp nhận lưu học sinh nước ngoài diện học bổng khác và tự túc vào học tại Việt Nam.	
58	Phê duyệt liên kết giáo dục.	
59	Gia hạn, điều chỉnh hoạt động liên kết giáo dục.	
60	Chấm dứt hoạt động liên kết giáo dục theo đề nghị của các bên liên kết.	
61	Cho phép hoạt động giáo dục trở lại đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	
62	Chấm dứt hoạt động cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	
63	Đăng ký hoạt động của Văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam.	
64	Cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	
65	Cho phép hoạt động giáo dục đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non; Cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	
66	Bổ sung, điều chỉnh quyết định cho phép hoạt động giáo dục	

	đối với: Cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn; Cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	
67	Giải thể cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.	
68	Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài.	
	<b>Lĩnh vực: Quy chế thi, tuyển sinh</b>	
69	Đăng ký dự thi cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin.	
	<b>Lĩnh vực: Văn bằng chứng chỉ</b>	
70	Công nhận văn bằng tốt nghiệp các cấp học phổ thông do cơ sở nước ngoài cấp.	
71	Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ.	
72	Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc.	
<b>XIII</b>	<b>SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ (153 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa</b>	
1	Thông báo thành lập quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.	
2	Thông báo tăng, giảm vốn góp của quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.	
3	Thông báo gia hạn thời gian hoạt động quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.	
4	Thông báo giải thể và kết quả giải thể quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo.	
5	Thông báo chuyển nhượng phần vốn góp của các nhà đầu tư.	
6	Đề nghị hỗ trợ sử dụng dịch vụ tư vấn.	
7	Đăng ký vào mạng lưới tư vấn viên.	
8	Hỗ trợ tư vấn, hướng dẫn hồ sơ, thủ tục thành lập doanh nghiệp.	
	<b>Lĩnh vực: Đăng ký và thành lập doanh nghiệp</b>	
9	Đăng ký thành lập doanh nghiệp tư nhân.	
10	Đăng ký thành lập công ty TNHH một thành viên.	
11	Đăng ký thành lập công ty TNHH hai thành viên trở lên.	
12	Đăng ký thành lập công ty cổ phần.	

13	Đăng ký thành lập công ty hợp danh.	
14	Đăng ký thay đổi địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
15	Đăng ký đổi tên doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
16	Đăng ký thay đổi thành viên hợp danh.	
17	Đăng ký thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần.	
18	Đăng ký thay đổi vốn điều lệ, thay đổi tỷ lệ vốn góp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
19	Đăng ký thay đổi thành viên công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	
20	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên đối với trường hợp chủ sở hữu công ty chuyên nhượng toàn bộ vốn điều lệ cho một cá nhân hoặc một tổ chức.	
21	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước.	
22	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do thừa kế.	
23	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do có nhiều hơn một cá nhân hoặc nhiều hơn một tổ chức được thừa kế phần vốn của chủ sở hữu, công ty đăng ký chuyển đổi sang loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	
24	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do tặng cho toàn bộ phần vốn góp.	
25	Đăng ký thay đổi chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do chuyển nhượng, tặng cho một phần vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ cá nhân hoặc tổ chức khác.	
26	Đăng ký thay đổi chủ doanh nghiệp tư nhân trong trường hợp bán, tặng cho doanh nghiệp, chủ doanh nghiệp chết, mất tích.	
27	Đăng ký doanh nghiệp thay thế nội dung đăng ký kinh doanh trong Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương khác.	
28	Thông báo bổ sung, thay đổi ngành, nghề kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty	

	hợp danh).	
29	Thông báo thay đổi vốn đầu tư của chủ doanh nghiệp tư nhân.	
30	Thông báo thay đổi thông tin của cổ đông sáng lập công ty cổ phần.	
31	Thông báo thay đổi cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài trong công ty cổ phần chưa niêm yết.	
32	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký thuế.	
33	Thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp, thông tin người đại diện theo uỷ quyền (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
34	Công bố nội dung đăng ký doanh nghiệp (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
35	Thông báo sử dụng, thay đổi, huỷ mẫu con dấu (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
36	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện trong nước (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
37	Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
38	Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).	
39	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện thay thế cho nội dung đăng ký hoạt động trong Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện do cơ quan đăng ký đầu tư cấp mà không thay đổi nội dung đăng ký hoạt động.	
40	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
41	Thông báo lập địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).	
42	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp tư nhân, công ty TNHH, công ty cổ phần, công ty hợp danh).	
43	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy	



	phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).	
44	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký địa điểm kinh doanh (đối với doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc các giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương).	
45	Thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ của công ty cổ phần không phải là công ty cổ phần đại chúng.	
46	Thông báo cập nhật thông tin cổ đông là cá nhân nước ngoài, người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức nước ngoài (đối với công ty cổ phần).	
47	Thông báo cho thuê doanh nghiệp tư nhân.	
48	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc chia doanh nghiệp.	
49	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc chia doanh nghiệp.	
50	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc chia doanh nghiệp.	
51	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên từ việc tách doanh nghiệp.	
52	Đăng ký thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên từ việc tách doanh nghiệp.	
53	Đăng ký thành lập công ty cổ phần từ việc tách doanh nghiệp.	
54	Hợp nhất doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh).	
55	Sáp nhập doanh nghiệp (đối với công ty TNHH, công ty cổ phần và công ty hợp danh).	
56	Chuyển đổi công ty trách nhiệm hữu hạn thành công ty cổ phần.	
57	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.	
58	Chuyển đổi công ty cổ phần thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.	
59	Chuyển đổi doanh nghiệp tư nhân thành công ty trách nhiệm hữu hạn.	
60	Thông báo tạm ngừng kinh doanh.	
61	Thông báo về việc tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo.	
62	Giải thể doanh nghiệp.	

63	Giải thể doanh nghiệp trong trường hợp bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc theo quyết định của Tòa án.	
64	Chấm dứt hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.	
65	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.	
66	Cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế sang Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nhưng không thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế.	
67	Hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp.	
68	Cập nhật bổ sung thông tin đăng ký doanh nghiệp.	
69	Tạm ngừng kinh doanh công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.	
70	Đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cho doanh nghiệp hoạt động theo Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.	
71	Thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh tại Giấy phép đầu tư, Giấy chứng nhận đầu tư (đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh).	
72	Thành lập tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài.	
73	Thông báo Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.	
74	Thông báo thay đổi nội dung Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.	
75	Thông báo chấm dứt Cam kết thực hiện mục tiêu xã hội, môi trường.	
76	Thông báo tiếp nhận viện trợ, tài trợ.	
77	Thông báo thay đổi nội dung tiếp nhận viện trợ, tài trợ.	
78	Chuyển cơ sở bảo trợ xã hội, quỹ xã hội, quỹ từ thiện thành Doanh nghiệp xã hội	
	<b>Lĩnh vực: Thành lập và hoạt động của liên hiệp HTX</b>	
79	Đăng ký liên hiệp hợp tác xã.	
80	Đăng ký thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.	
81	Đăng ký thay đổi tên, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề sản	

	xuất, kinh doanh, vốn điều lệ, người đại diện theo pháp luật; tên, địa chỉ, người đại diện chi nhánh, văn phòng đại diện của liên hiệp hợp tác xã.	
82	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã chia.	
83	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã tách.	
84	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã hợp nhất.	
85	Đăng ký khi liên hiệp hợp tác xã sáp nhập.	
86	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất).	
87	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị mất).	
88	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng).	
89	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện liên hiệp hợp tác xã (khi bị hư hỏng).	
90	Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (Đối với trường hợp liên hiệp hợp tác xã giải thể tự nguyện).	
91	Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.	
92	Thông báo thay đổi nội dung đăng ký liên hiệp hợp tác xã.	
93	Thông báo về việc góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp của liên hiệp hợp tác xã.	
94	Tạm ngừng hoạt động của liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.	
95	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của liên hiệp hợp tác xã.	
96	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã (khi đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sang giấy chứng nhận đăng ký liên hiệp hợp tác xã).	
97	Thay đổi cơ quan đăng ký liên hiệp hợp tác xã.	
	<b>Lĩnh vực: Đầu tư trực tiếp</b>	
98	Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư).	
99	Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp GCNĐT).	

100	Quyết định chủ trương đầu tư của Quốc hội (đối với dự án không thuộc diện cấp GCNĐT).	
101	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ (đối với dự án không thuộc diện cấp GCNĐKĐ).	
102	Điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của UBND tỉnh (đối với dự án không thuộc diện cấp GCNĐKĐT).	
103	Cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	
104	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư.	
105	Điều chỉnh tên dự án đầu tư, tên và địa chỉ nhà đầu tư trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	
106	Điều chỉnh nội dung dự án đầu tư trong giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp không điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư).	
107	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện điều chỉnh Quyết định chủ trương đầu tư của UBND cấp tỉnh.	
108	Điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.	
109	Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án thuộc một trong các trường hợp: (i) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và không thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư, (ii) dự án được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thuộc trường hợp quyết định chủ trương đầu tư mà nhà đầu tư đã hoàn thành việc góp vốn, huy động vốn và đưa dự án vào khai thác, vận hành.	
110	Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	
111	Chuyển nhượng dự án đầu tư đối với dự án đầu tư hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư của Thủ tướng Chính phủ.	
112	Điều chỉnh dự án đầu tư trong trường hợp chia tách, hợp nhất, sát nhập, chuyển đổi loại hình tổ chức kinh tế.	
113	Điều chỉnh dự án đầu tư theo bản án, quyết định của tòa án, trọng tài.	
114	Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	

115	Hiệu đính thông tin trên giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	
116	Nộp lại giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.	
117	Giãn tiến độ đầu tư.	
118	Tạm ngừng hoạt động của dự án đầu tư.	
119	Chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.	
120	Thành lập văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	
121	Chấm dứt hoạt động của văn phòng điều hành của nhà đầu tư nước ngoài trong hợp đồng BCC.	
122	Đổi GCNĐKĐT cho dự án hoạt động theo giấy phép đầu tư, giấy chứng nhận đầu tư hoặc giấy tờ khác có giá trị pháp lý tương đương.	
123	Cung cấp thông tin về dự án đầu tư.	
124	Đảm bảo đầu tư trong trường hợp không được tiếp tục dự án ưu đãi đầu tư.	
125	Góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp vào tổ chức kinh tế của nhà đầu tư nước ngoài.	
	<b>Lĩnh vực: Đầu tư công</b>	
	<b>Đầu tư công</b>	
126	Thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư dự án.	
127	Thẩm định, phê duyệt dự án không có cấu phần xây dựng.	
128	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh dự án không có cấu phần xây dựng.	
129	Thẩm định, phê duyệt thiết kế dự toán dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng.	
130	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh thiết kế dự toán dự án đầu tư không có cấu phần xây dựng.	
	<b>Lựa chọn nhà đầu tư (Bao gồm dự án có sử dụng đất và dự án PPP)</b>	
131	Thẩm định hồ sơ sơ tuyển nhà đầu tư.	
132	Thẩm định kết quả sơ tuyển nhà đầu tư.	
133	Thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà đầu tư.	

134	Thẩm định hồ sơ mời thầu lựa chọn nhà đầu tư.	
135	Thẩm định danh sách nhà đầu tư đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.	
136	Kết quả lựa chọn nhà đầu tư.	
	<b>Đầu tư theo đối tác công tư (PPP)</b>	
137	Thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn đầu tư của nhà nước tham gia thực hiện dự án.	
138	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án.	
139	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, nhóm B.	
140	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nhóm A, nhóm B.	
	<b>Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư</b>	
141	Thẩm định báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, quyết định chủ trương đầu tư dự án do nhà đầu tư đề xuất.	
142	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi dự án do nhà đầu tư đề xuất.	
143	Thẩm định, phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi điều chỉnh dự án do nhà đầu tư đề xuất.	
144	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	
145	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	
146	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
147	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
	<b>Quản lý hợp đồng</b>	
148	Gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng.	
	<b>Lĩnh vực: Viện trợ phi chính phủ nước ngoài</b>	
149	Tiếp nhận dự án hỗ trợ kỹ thuật sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.	
150	Tiếp nhận dự án đầu tư sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN).	
151	Tiếp nhận chương trình sử dụng nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài.	

152	Tiếp nhận nguồn viện trợ phi Chính phủ nước ngoài (PCPNN) dưới hình thức phi dự án.	
	<b>Lĩnh vực: Đầu tư vào Nông nghiệp, nông thôn</b>	
153	Cam kết hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ.	
<b>XIV</b>	<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (111 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Kiểm lâm - Lâm nghiệp</b>	
1	Cấp phép khai thác chính, tận dụng, tận thu gỗ rừng trồng trong rừng phòng hộ của tổ chức.	
2	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng sản xuất, rừng phòng hộ.	
3	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng phòng hộ của tổ chức.	
4	Cấp phép khai thác, tận dụng, tận thu các loại lâm sản ngoài gỗ không thuộc loài nguy cấp, quý, hiếm và loài được ưu tiên bảo vệ theo quy định của pháp luật trong rừng đặc dụng.	
5	Công nhận nguồn giống cây trồng lâm nghiệp (gồm công nhận: cây trội; lâm phần tuyển chọn; rừng giống chuyên hóa; rừng giống; vườn cây đầu dòng).	
6	Giao rừng cho tổ chức.	
7	Cho thuê rừng cho tổ chức.	
8	Thu hồi rừng của tổ chức được Nhà nước giao rừng không thu tiền sử dụng rừng hoặc được giao rừng có thu tiền sử dụng rừng mà tiền đó có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước hoặc được thuê rừng trả tiền thuê hàng năm nay chuyển đi nơi khác, đề nghị giảm diện tích rừng hoặc không có nhu cầu sử dụng rừng; chủ rừng tự nguyện trả lại rừng thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh (chủ rừng là tổ chức trong nước, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài).	
9	Thẩm định và phê duyệt hồ sơ cải tạo rừng (đối với tổ chức khác và hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn).	
10	Thẩm định, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững của tổ chức.	

11	Thẩm định, phê duyệt phương án trồng rừng mới thay thế diện tích rừng chuyển sang sử dụng cho mục đích khác.	
12	Cho phép chuyển đổi mục đích sử dụng rừng giữa 3 loại rừng đối với những khu rừng do UBND tỉnh xác lập.	
13	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư).	
14	Điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh (đối với chương trình lâm sinh thuộc dự án do chủ tịch UBND tỉnh quyết định đầu tư).	
15	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô cây con.	
16	Cấp chứng nhận nguồn gốc lô giống.	
17	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi gấu.	
18	Cấp giấy phép vận chuyển gấu.	
19	Cấp giấy chứng nhận trại nuôi động vật rừng thông thường vì mục đích thương mại (tại các huyện, thành phố không có Hạt Kiểm lâm).	
20	Cấp giấy chứng nhận đăng ký trại nuôi sinh sản, trại nuôi sinh trưởng, cơ sở trồng cây nhân tạo các loài động thực vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm theo quy định của pháp luật Việt Nam và các Phụ lục II, III của Công ước CITES.	
21	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm đối với cây cảnh, cây bóng mát, cây cổ thụ có nguồn gốc khai thác từ rừng tự nhiên, rừng trồng tập trung; cây có nguồn gốc nhập khẩu; cây xử lý tịch thu (đối với địa phương không có Hạt Kiểm lâm).	
22	Giao nộp gấu cho nhà nước.	
23	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý.	
24	Cấp giấy phép khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên không vì mục đích thương mại trên các lâm phận của các chủ rừng thuộc địa phương quản lý.	
25	Đóng dấu búa kiểm lâm.	
26	Xác nhận của Chi cục Kiểm lâm (tại các huyện, thành phố	



	không có hạt kiểm lâm) đối với lâm sản chưa qua chế biến có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, lâm sản nhập khẩu, lâm sản sau xử lý tịch thu; lâm sản sau chế biến, lâm sản vận chuyển nội bộ giữa các điểm không cùng trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; động vật rừng được gây nuôi trong nước và bộ phận dẫn xuất của chúng.	
	<b>Lĩnh vực: Trồng trọt</b>	
27	Công nhận cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	
28	Công nhận vườn cây đầu dòng cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.	
29	Cấp lại Giấy công nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng cây công nghiệp cây ăn quả lâu năm.	
30	Tiếp nhận bản công bố hợp quy giống cây trồng.	
31	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón.	
32	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất phân bón đối với cơ sở chỉ hoạt động đóng gói phân bón.	
33	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.	
34	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón.	
35	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón và đăng ký hội thảo phân bón.	
	<b>Lĩnh vực: Bảo vệ thực vật</b>	
36	Cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc bảo vệ thực vật.	
37	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	
38	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.	
39	Cấp giấy phép vận chuyển thuốc bảo vệ thực vật.	
40	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đối với các lô vật thể vận chuyển từ vùng dịch nhiễm đối tượng kiểm dịch thực vật.	
	<b>Lĩnh vực: Thủy sản</b>	
41	Cấp giấy chứng nhận lưu giữ thủy sinh vật ngoại lai.	
42	Kiểm tra chất lượng giống thủy sản nhập khẩu (trừ giống thủy sản bố mẹ chủ lực).	

43	Cấp giấy chứng nhận đăng ký bè cá.	
	<b>Lĩnh vực: Chăn nuôi – Thú y</b>	
44	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.	
45	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn.	
46	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận.	
47	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở phải đánh giá lại.	
48	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản (đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản, cơ sở sản xuất thủy sản giống).	
49	Cấp giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản đối với cơ sở có nhu cầu bổ sung nội dung chứng nhận.	
50	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật thủy sản.	
51	Cấp lại giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn và thủy sản) đối với cơ sở có giấy chứng nhận hết hiệu lực do xảy ra bệnh hoặc phát hiện mầm bệnh tại cơ sở đã được chứng nhận an toàn hoặc do không thực hiện giám sát, lấy mẫu đúng, đủ số lượng trong quá trình duy trì điều kiện cơ sở sau khi được chứng nhận.	
52	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận điều kiện vệ sinh thú y.	
53	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y).	
54	Cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo thuốc thú y.	
55	Cấp lại chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp chứng chỉ hành nghề thú y).	
56	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật thủy sản ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.	
57	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm động vật trên cạn ra khỏi địa bàn cấp tỉnh.	

58	Kiểm dịch động vật thủy sản tham gia hội chợ, triển lãm, thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật; sản phẩm động vật thủy sản tham gia hội chợ.	
59	Cấp giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale-CFS) đối với giống vật nuôi(bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	
60	Cấp lại giấy chứng nhận lưu hành tự do (Certificate of Free Sale-CFS) đối với giống vật nuôi(bao gồm phôi, tinh, con giống vật nuôi); Thức ăn chăn nuôi, chất bổ sung vào thức ăn chăn nuôi; môi trường pha chế, bảo quản tinh, phôi động vật; Vật tư, hóa chất chuyên dùng trong chăn nuôi.	
	<b>Lĩnh vực: Phát triển nông thôn</b>	
61	Hỗ trợ dự án liên kết.	
62	Bố trí ổn định dân cư ngoài tỉnh.	
63	Công nhận doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	
64	Công nhận lại doanh nghiệp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	
65	Công nhận làng nghề.	
66	Công nhận nghề truyền thống.	
67	Công nhận làng nghề truyền thống .	
68	Xét công nhận nghề nhân.	
69	Xét công nhận thợ giỏi.	
70	Xét công nhận người có công đưa nghề mới vào phát triển tại tỉnh.	
	<b>Lĩnh vực: Quản lý chất lượng nông lâm và thủy sản</b>	
71	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản.	
72	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	
73	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	

	(Trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên Giấy chứng nhận).	
74	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm.	
	<b>Lĩnh vực: Thủy lợi</b>	
75	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
76	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
77	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý.	
78	Phê duyệt, điều chỉnh phương án cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trên địa bàn UBND tỉnh quản lý.	
79	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
80	Cấp giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi, trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
81	Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ của UBND tỉnh.	
82	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
83	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
84	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Khoan, đào khảo sát địa chất, thăm dò, khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, khai thác nước dưới đất; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
85	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép: Trồng cây lâu	

	năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
86	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi trừ xả nước thải với quy mô nhỏ và không chứa chất độc hại, chất phóng xạ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
87	Cấp giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
88	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
89	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
90	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép hoạt động: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.	
91	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	
92	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	
93	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạn du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	
94	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	
95	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh.	
	<b>Lĩnh vực: Xây dựng cơ bản</b>	
96	Thẩm định Dự án đầu tư xây dựng/BCKT-KT đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn Ngân sách nhà nước.	
97	Thẩm định điều chỉnh, bổ sung Dự án /BCKT-KT đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn Ngân sách nhà nước.	
98	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách.	
99	Thẩm định điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách.	

100	Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách hoặc vốn khác.	
101	Thẩm định điều chỉnh thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách hoặc vốn khác.	
102	Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công công trình sử dụng nguồn vốn khác (Công trình công cộng từ cấp III trở lên, công trình xây dựng có ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng).	
103	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.	
104	Thẩm định, phê duyệt hồ sơ yêu cầu, hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu.	
105	Thẩm định kết quả đánh giá hồ sơ quan tâm (HSQT), hồ sơ dự sơ tuyển (HSDST), danh sách nhà thầu đạt yêu cầu về mặt kỹ thuật và phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu.	
106	Thẩm định, phê duyệt dự toán gói thầu.	
107	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
108	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
109	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
110	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
111	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
<b>XV</b>	<b>SỞ TÀI CHÍNH (35 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Quản lý công sản</b>	
1	Điều chuyển tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức đơn vị.	
2	Bán tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức đơn vị.	
3	Thanh lý tài sản nhà nước tại các cơ quan, tổ chức đơn vị.	
4	Xác định giá bán tài sản gắn liền với đất, giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vị trí cũ của đơn vị phải thực hiện di dời.	
5	Chi trả các khoản chi phí liên quan (kể cả chi phí di dời các hộ gia đình, cá nhân trong khuôn viên cơ sở nhà đất thực hiện bán) từ số tiền thu được từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng	

	quyền sử dụng đất.	
6	Chi trả số tiền thu được từ bán tài sản trên đất của công ty nhà nước.	
7	Quyết định số tiền được sử dụng để thực hiện dự án đầu tư và cấp phát, quyết toán số tiền thực hiện dự án đầu tư.	
8	Thanh toán số tiền hỗ trợ di dời các hộ gia đình, cá nhân đã bố trí làm nhà ở trong khuôn viên cơ sở nhà, đất khác (nếu có) của cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức thuộc cùng phạm vi quản lý của các Bộ, ngành, địa phương.	
9	Quyết định mua sắm tài sản công phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong trường hợp không phải lập thành dự án đầu tư.	
10	Quyết định thuê tài sản phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị.	
11	Quyết định chuyển đổi công năng sử dụng tài sản công.	
12	Quyết định sử dụng tài sản công để tham gia dự án đầu tư theo hình thức đối tác công - tư.	
13	Quyết định thu hồi tài sản công trong trường hợp cơ quan nhà nước được giao quản lý, sử dụng tài sản công tự nguyện trả lại tài sản Nhà nước.	
14	Quyết định thu hồi tài sản công theo quy định tại các điểm a,b,c,d, đ, e và khoản 1 điều 41 của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.	
15	Quyết định bán tài sản công duy nhất theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ.	
16	Quyết định hủy bỏ Quyết định bán đấu giá tài sản công.	
17	Quyết định tiêu hủy tài sản công.	
18	Quyết định xử lý tài sản công trường hợp bị mất, bị hủy hoại.	
19	Thanh toán chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản công.	
20	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích kinh doanh, cho thuê.	
21	Phê duyệt đề án sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập vào mục đích liên doanh, liên kết.	

22	Quyết định xử lý tài sản công phục vụ hoạt động của dự án khi dự án kết thúc.	
23	Quyết định xử lý tài sản bị hư hỏng, không sử dụng được hoặc không còn nhu cầu sử dụng trong quá trình thực hiện dự án.	
24	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của cơ quan, tổ chức, đơn vị có tài sản.	
25	Đăng ký tham gia và thay đổi, bổ sung thông tin đã đăng ký trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công của tổ chức, cá nhân tham gia mua, thuê tài sản, nhận chuyển nhượng, thuê quyền khai thác tài sản công.	
26	Hoàn trả hoặc khấu trừ tiền sử dụng đất đã nộp hoặc nhận tiền chuyển nhượng QSD đất đã trả vào ngân quỹ tài chính của chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội.	
27	Mua quyền hóa đơn.	
28	Mua hóa đơn lẻ.	
	<b>Lĩnh vực: Quản lý giá</b>	
29	Đăng ký giá của các doanh nghiệp.	
30	Hiệp thương giá đối với hàng hóa, dịch vụ.	
31	Quyết định giá.	
32	Đăng ký mã số đơn vị có quan hệ với ngân sách.	
	<b>Lĩnh vực: Tài chính doanh nghiệp</b>	
33	Cấp phát, thanh toán, quyết toán kinh phí cấp bù thủy lợi phí.	
	<b>Lĩnh vực: Đầu tư</b>	
34	Quyết toán dự án hoàn thành các dự án sử dụng vốn nhà nước.	
35	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
<b>XVI</b>	<b>SỞ XÂY DỰNG (56 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Quy hoạch - Kiến trúc</b>	
1	Thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch của dự án đầu tư xây dựng công trình.	



2	Thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch của dự án đầu tư xây dựng công trình.	
	<b>Lĩnh vực: Quản lý hoạt động xây dựng</b>	
3	Thẩm định Dự án đầu tư xây dựng/BCKT-KT đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn Ngân sách nhà nước.	
4	Thẩm định điều chỉnh, bổ sung Dự án /BCKT-KT đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn Ngân sách nhà nước.	
5	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách.	
6	Thẩm định điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách.	
7	Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách hoặc vốn khác.	
8	Thẩm định điều chỉnh thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách hoặc vốn khác	
9	Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công công trình sử dụng nguồn vốn khác (Công trình công cộng từ cấp III trở lên, công trình xây dựng có ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng).	
10	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.	
11	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
12	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
13	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
14	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
15	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
16	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
17	Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II;	

	công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
18	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
19	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
20	Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
21	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.	
22	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C).	
23	Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C).	
24	Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	
25	Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III.	
26	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng).	
27	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài	
28	Cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III.	
29	Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III.	

30	Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III.	
31	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP).	
32	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III (trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn).	
33	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III do lỗi của cơ quan cấp.	
	<b>Lĩnh vực: Giám định Tư pháp</b>	
34	Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.	
35	Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động.	
36	Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin.	
	<b>Lĩnh vực: Nhà ở và công sở</b>	
37	Gia hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài.	
38	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua.	
39	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.	
40	Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.	
41	Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.	
42	Thẩm định giá bán, thuê mua, thế nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.	
43	Thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND cấp tỉnh.	
44	Cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.	

45	Cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước.	
46	Cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.	
47	Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước.	
48	Công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư.	
49	Công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư.	
50	Chấp thuận chủ trương dự án ĐTXD nhà ở thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ theo quy định của Luật Nhà ở năm 2014 (trường hợp không thuộc phạm vi điều chỉnh của Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công).	
	<b>Lĩnh vực: Phát triển đô thị</b>	
51	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.	
52	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.	
53	Chấp thuận đầu tư đối với các dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.	
	<b>Lĩnh vực: Kinh doanh bất động sản</b>	
54	Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản đối với dự án do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư.	
55	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.	
56	Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng hoặc do hết hạn (hoặc gần hết hạn).	
<b>XVII</b>	<b>SỞ CÔNG THƯƠNG (114 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Hóa chất</b>	
1	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	
3	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	
4	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	

5	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	
6	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.	
	<b>Lĩnh vực: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất nổ</b>	
7	Cấp Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.	
8	Cấp lại Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.	
9	Thu hồi Giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp.	
	<b>Lĩnh vực: Năng lượng</b>	
10	Cấp Giấy phép hoạt động phát điện đối với các nhà máy điện có quy mô dưới 3MW đặt tại địa phương.	
11	Cấp giấy phép hoạt động bán buôn, bán lẻ điện.	
12	Cấp Giấy phép trong lĩnh tư vấn chuyên ngành điện.	
13	Cấp sửa đổi, bổ sung; cấp lại Giấy phép hoạt động điện lực.	
14	Cấp giấy phép hoạt động phân phối điện đến cấp điện áp 35 kV tại địa phương.	
15	Điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh không theo chu kỳ Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110 kV.	
	<b>Lĩnh vực: Lưu thông hàng hóa</b>	
16	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.	
17	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.	
18	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận đủ điều kiện đầu tư trồng cây thuốc lá.	
19	Cấp Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).	
20	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).	
21	Cấp lại Giấy phép sản xuất rượu công nghiệp (quy mô dưới 3 triệu lít/năm).	
22	Cấp Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	

23	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	
24	Cấp lại Giấy phép bán buôn rượu trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.	
25	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	
26	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	
27	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	
28	Cấp Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.	
29	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép mua bán nguyên liệu thuốc lá.	
30	Cấp Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	
31	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	
32	Cấp lại Giấy phép bán buôn sản phẩm thuốc lá.	
33	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.	
34	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.	
35	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm tổng đại lý kinh doanh xăng dầu.	
36	Cấp Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	
37	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	
38	Cấp lại Giấy xác nhận đủ điều kiện làm đại lý bán lẻ xăng dầu.	
39	Cấp Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	
40	Cấp sửa đổi, bổ sung Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	
41	Cấp lại Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu.	
	<b>Lĩnh vực: Cụm công nghiệp</b>	

42	Thành lập Cụm công nghiệp.	
43	Mở rộng cụm công nghiệp.	
44	Cấp Giấy xác nhận ưu đãi dự án sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc Danh mục sản phẩm công nghiệp hỗ trợ ưu tiên phát triển đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa.	
45	Hỗ trợ doanh nghiệp sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ thuộc danh mục ưu tiên phát triển trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.	
	<b>Lĩnh vực: Xúc tiến thương mại</b>	
46	Đăng ký hoạt động khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	
47	Đăng ký sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại đối với chương trình khuyến mại mang tính may rủi thực hiện trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.	
	<b>Lĩnh vực: Kinh doanh khí.</b>	
48	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG.	
49	Cấp lại Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG.	
50	Cấp điều chỉnh Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LPG.	
51	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.	
52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.	
53	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào chai.	
54	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn	
55	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.	
56	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào xe bồn.	
57	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.	
58	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.	
59	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LPG vào phương tiện vận tải.	

60	Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG.	
61	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG.	
62	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán LNG .	
63	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.	
64	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.	
65	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp LNG vào phương tiện vận tải.	
66	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG.	
67	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG.	
68	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân kinh doanh mua bán CNG.	
69	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải CNG	
70	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.	
71	Cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện trạm nạp CNG vào phương tiện vận tải.	
	<b>Lĩnh vực: Quản lý cạnh tranh</b>	
72	Đăng ký hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.	
73	Đăng ký sửa đổi bổ sung hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.	
74	Chấm dứt hoạt động bán hàng đa cấp tại địa phương.	
75	Thông báo tổ chức hội nghị, hội thảo, đào tạo.	
	<b>Lĩnh vực: An toàn thực phẩm</b>	
76	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực.	
77	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm.	
78	Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm cho tổ chức và cá nhân.	



	<b>Lĩnh vực: Hội nhập kinh tế quốc tế</b>	
79	Cấp giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	
80	Cấp điều chỉnh giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	
81	Cấp lại Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	
82	Gia hạn Giấy phép thành lập Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	
83	Chấm dứt hoạt động của Văn phòng đại diện của thương nhân nước ngoài tại Việt Nam.	
	<b>Lĩnh vực: Dịch vụ thương mại</b>	
84	Đăng ký dấu nghiệp vụ giám định thương mại.	
85	Đăng ký thay đổi dấu nghiệp vụ giám định thương mại.	
	Lĩnh vực: Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.	
86	Đăng ký Hợp đồng theo mẫu và điều kiện giao dịch chung.	
	<b>Lĩnh vực: Quản lý đầu tư xây dựng</b>	
87	Thẩm định Dự án đầu tư xây dựng/BCKT-KT đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn Ngân sách nhà nước.	
88	Thẩm định điều chỉnh, bổ sung Dự án /BCKT-KT đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn Ngân sách nhà nước.	
89	Thẩm định thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách.	
90	Thẩm định điều chỉnh thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước và vốn nhà nước ngoài ngân sách.	
91	Thẩm định thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách hoặc vốn khác.	
92	Thẩm định điều chỉnh thiết kế cơ sở đối với dự án sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách hoặc vốn khác.	
93	Thẩm định Thiết kế bản vẽ thi công công trình sử dụng nguồn vốn khác (Công trình công cộng từ cấp III trở lên, công trình xây dựng có ảnh hưởng đến cảnh quan môi trường và an toàn của cộng đồng).	

94	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng.	
95	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành sử dụng vốn nhà nước có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
96	Thẩm định, phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
97	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
98	Thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
99	Thẩm định, phê duyệt điều chỉnh, bổ sung dự án đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn nhà nước có tổng mức đầu tư đến 5 tỷ đồng.	
	<b>Lĩnh vực: Thương mại quốc tế</b>	
100	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện các dịch vụ khác quy định tại khoản d, đ, e, g, h, i Điều 5 Nghị định 09/2018/NĐ-CP.	
101	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ các hàng hóa là gạo; đường; vật phẩm ghi hình; sách, báo và tạp chí.	
102	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa là dầu, mỡ bôi trơn.	
103	Cấp Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài để thực hiện quyền phân phối bán lẻ hàng hóa.	
104	Điều chỉnh Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	
105	Cấp lại Giấy phép kinh doanh cho tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài.	
106	Cấp Giấy phép kinh doanh đồng thời với Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.	
107	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ thứ nhất, cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp không phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT).	
108	Cấp giấy phép lập cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thuộc trường hợp phải thực hiện thủ tục kiểm tra nhu cầu kinh tế (ENT).	
109	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ khác và trường hợp cơ sở ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất thay đổi loại hình thành cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini.	

110	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất không nằm trong trung tâm thương mại.	
111	Điều chỉnh tăng diện tích cơ sở bán lẻ thứ nhất trong trung tâm thương mại; tăng diện tích cơ sở bán lẻ ngoài cơ sở bán lẻ thứ nhất được lập trong trung tâm thương mại và không thuộc loại hình cửa hàng tiện lợi, siêu thị mini, đến mức dưới 500m <sup>2</sup> .	
112	Điều chỉnh tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, tên, địa chỉ của cơ sở bán lẻ, loại hình của cơ sở bán lẻ, điều chỉnh giảm diện tích của cơ sở bán lẻ trên Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.	
113	Cấp lại Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.	
114	Gia hạn Giấy phép lập cơ sở bán lẻ.	
<b>XVIII</b>	<b>SỞ NGOẠI VỤ (04 TTHC)</b>	
1	Cho phép tổ chức hội nghị hội thảo Quốc tế.	
2	Xem xét cho phép sử dụng và quản lý thẻ ABTC.	
3	Chứng nhận lãnh sự.	
4	Hợp pháp hóa lãnh sự.	



**Phụ lục số 02**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ Ở CẤP TỈNH VÀ DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC THAM NHỮNG ÁP DỤNG CHUNG CHO TẤT CẢ CÁC CƠ QUAN ĐƠN VỊ**

(Tổng số: 121 thủ tục hành chính)

(Ban hành kèm theo Quyết định số: **627/QĐ-UBND** ngày **22** tháng 02 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc)

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TIẾP NHẬN, GIẢI QUYẾT VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI CƠ QUAN, ĐƠN VỊ Ở CẤP TỈNH**

<b>TT</b>	<b>TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>I</b>	<b>SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI (24 TTTC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Việc làm, an toàn lao động</b>	
1	Giải quyết hưởng trợ cấp thất nghiệp.	
2	Tạm dừng hưởng trợ cấp thất nghiệp.	
3	Tiếp tục hưởng trợ cấp thất nghiệp.	
4	Chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp.	
5	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đi).	
6	Chuyển nơi hưởng trợ cấp thất nghiệp (chuyển đến).	
7	Giải quyết hỗ trợ học nghề.	
8	Hỗ trợ tư vấn, giới thiệu việc làm.	
9	Thông báo về việc tìm kiếm việc làm hằng tháng.	
10	Thẩm định hồ sơ, cấp hỗ trợ chi phí cho người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài, thực tập sinh kỹ thuật ở Nhật Bản theo hợp đồng.	TTTC đặc thù
	<b>Lĩnh vực: Lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội</b>	
11	Thông báo về việc chuyển địa điểm đặt trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc hoạt động cho thuê lại lao động.	
12	Báo cáo về tình hình cho thuê lại lao động.	
13	Báo cáo về việc thay đổi người quản lý, người giữ chức danh	

	chủ chốt của doanh nghiệp cho thuê lại lao động.	
	<b>Lĩnh vực: Bảo trợ xã hội</b>	
14	Tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	
15	Tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội đối với đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	
16	Tiếp nhận đối tượng tự nguyện vào cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	
17	Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội cấp tỉnh.	
18	Tiếp nhận đối tượng là người chưa thành niên không có nơi cư trú ổn định bị áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn vào cơ sở trợ giúp trẻ em.	
19	Đưa đối tượng ra khỏi cơ sở trợ giúp trẻ em.	
	<b>Lĩnh vực: Phòng chống tệ nạn xã hội</b>	
20	Đưa người nghiện ma túy, người bán dâm tự nguyện vào cai nghiện, chữa trị, phục hồi tại Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội (nay là Cơ sở cai nghiện ma túy).	
21	Chế độ thăm gặp đối với học viên tại Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội (nay là Cơ sở cai nghiện ma túy).	
22	Thủ tục nghỉ chịu tang của học viên tại Trung tâm chữa bệnh, giáo dục, lao động xã hội (nay là Cơ sở cai nghiện ma túy).	
	<b>Lĩnh vực: Trẻ em</b>	
23	Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em.	
24	Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em.	
<b>II</b>	<b>SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG (01 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Đo đạc và Bản đồ</b>	
1	Cung cấp thông tin, dữ liệu đo đạc và bản đồ.	
<b>III</b>	<b>SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI (11 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Giao thông đường bộ</b>	
1	Cấp mới giấy phép lái xe.	

2	Cấp giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.	
3	Đăng ký khai thác tuyến.	
4	Cấp phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công - ten - nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt.	
5	Cấp lại phù hiệu cho xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công - ten- nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt.	
6	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe máy chuyên dùng trong khai thác, sử dụng.	
7	Cấp giấy chứng nhận kiểm tra an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo.	
8	Cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trong kiểm tra lưu hành xe chở người bốn bánh có gắn động cơ.	
9	Cấp giấy chứng nhận, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.	
10	Cấp Giấy chứng nhận lưu hành, Tem lưu hành cho xe chở hàng 4 bánh có gắn động cơ.	
	<b>Lĩnh vực: Giao thông đường thủy</b>	
11	Xóa giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.	
<b>IV</b>	<b>SỞ TƯ PHÁP (15 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Công chứng</b>	
1	Công chứng bản dịch.	
2	Công chứng hợp đồng, giao dịch soạn thảo sẵn.	
3	Công chứng hợp đồng, giao dịch do công chứng viên soạn thảo theo đề nghị của người yêu cầu công chứng.	
4	Công chứng việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch.	
5	Công chứng hợp đồng thế chấp bất động sản.	
6	Công chứng di chúc.	
7	Công chứng văn bản thỏa thuận phân chia di sản.	
8	Công chứng văn bản khai nhận di sản.	

9	Công chứng văn bản từ chối nhận di sản.	
10	Công chứng hợp đồng ủy quyền.	
11	Nhận lưu giữ di chúc.	
12	Cấp bản sao văn bản công chứng.	
	<b>Lĩnh vực: Chứng thực</b>	
13	Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận.	
14	Chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không ký, không điểm chỉ được).	
	<b>Lĩnh vực: Trợ giúp pháp lý</b>	
15	Thủ tục yêu cầu trợ giúp pháp lý.	
<b>V</b>	<b>SỞ NỘI VỤ (12 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Văn thư, lưu trữ</b>	
1	Thủ tục phục vụ việc sử dụng tài liệu của độc giả tại phòng đọc.	
2	Thủ tục cấp bản sao và chứng thực lưu trữ.	
	<b>Lĩnh vực: Công chức</b>	
3	Thủ tục thi tuyển công chức.	
4	Thủ tục xét tuyển công chức.	
5	Thủ tục tiếp nhận các trường hợp đặc biệt trong tuyển dụng công chức.	
6	Thủ tục thi nâng ngạch công chức.	
7	Thủ tục xếp ngạch, bậc lương đối với trường hợp đã có thời gian công tác có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc khi được tuyển dụng	
8	Thủ tục xét chuyển cán bộ, công chức cấp xã thành công chức từ cấp huyện trở lên.	
	<b>Lĩnh vực: Viên chức</b>	

9	Thủ tục thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.	
10	Thủ tục thi tuyển viên chức.	
11	Thủ tục xét tuyển viên chức.	
12	Thủ tục xét tuyển đặc cách viên chức.	
<b>VI</b>	<b>SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ (03 TTHC)</b>	
1	Thủ tục đăng ký tham dự sơ tuyển xét tặng Giải thưởng chất lượng quốc gia.	
2	Thủ tục kiểm tra nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa hàng hóa nhóm 2 nhập khẩu.	
3	Thủ tục kiểm tra chất lượng hàng hóa nhập khẩu thuộc trách nhiệm của Bộ Khoa học và công nghệ.	
<b>VII</b>	<b>SỞ Y TẾ (29 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Giám định y khoa</b>	
1	Khám giám định thương tật lần đầu do tai nạn lao động.	
2	Khám giám định lần đầu do bệnh nghề nghiệp.	
3	Khám giám định để thực hiện chế độ hưu trí đối với người lao động.	
4	Khám giám định để thực hiện chế độ tử tuất.	
5	Khám giám định để xác định lao động nữ không đủ sức khỏe để chăm sóc con sau sinh hoặc sau khi nhận con do nhờ người mang thai hộ hoặc phải nghỉ dưỡng thai.	
6	Khám giám định để hưởng bảo hiểm xã hội một lần.	
7	Khám giám định lại đối với trường hợp tái phát tổn thương do tai nạn lao động.	
8	Khám giám định lại bệnh nghề nghiệp tái phát.	
9	Khám giám định tổng hợp.	
10	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người từ đủ 16 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi.	
11	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người đủ 18 tuổi trở lên.	
12	Công nhận cơ sở khám, chữa bệnh trực thuộc Sở Y tế, cơ sở khám chữa bệnh của Y tế ngành, bệnh viện tư nhân thuộc địa bàn quản lý đủ điều kiện thực hiện can thiệp y tế để xác định lại giới tính.	



13	Đề nghị được thực hiện kỹ thuật xác định lại giới tính đối với người chưa đủ 16 tuổi.	
14	Khám giám định thương tật lần đầu do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố hoặc trung tâm giám định y khoa thuộc Bộ giao thông vận tải thực hiện.	
15	Khám giám định đối với trường hợp đã được xác định tỷ lệ tạm thời do trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.	
16	Khám giám định đối với trường hợp bổ sung vết thương do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.	
17	Khám giám định đối với trường hợp vết thương còn sót do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.	
18	Khám giám định đối với trường hợp vết thương tái phát do Trung tâm giám định y khoa tỉnh, thành phố thực hiện.	
19	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không đưa ra được kết luận về mức độ khuyết tật.	
20	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.	
21	Khám giám định mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (bao gồm cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật.	
22	Khám giám định đối với trường hợp người khuyết tật có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.	
23	Khám giám định đối với trường hợp đại diện hợp pháp của người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) có bằng chứng xác thực về việc xác định mức độ khuyết tật của Hội đồng xác định mức độ khuyết tật không khách quan, không chính xác.	
24	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp người khuyết tật không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định.	
25	Khám giám định phúc quyết mức độ khuyết tật đối với trường hợp đại diện người khuyết tật (cá nhân, cơ quan, tổ chức) không đồng ý với kết luận của Hội đồng Giám định y khoa đã ban hành Biên bản khám giám định.	
26	Khám giám định y khoa đối với người hoạt động kháng chiến bị	

	phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại Điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.	
27	Khám giám định y khoa đối với người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học và con đẻ của họ đã được công nhận và đang hưởng chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trước ngày 01 tháng 9 năm 2012.	
28	Khám giám định y khoa đối với con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị phơi nhiễm với chất độc hóa học quy định tại điều 38 Nghị định số 31/2013/NĐ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ .	
29	Cấp giấy chứng nhận mắc bệnh, tật, dị dạng, dị tật có liên quan đến phơi nhiễm với chất độc hóa học	
<b>VIII</b>	<b>SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO (11 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Giáo dục và Đào tạo</b>	
1	Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục.	
2	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc Kinh.	
3	Xét, duyệt chính sách hỗ trợ đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số.	
4	Đề nghị miễn giảm học phí và hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, sinh viên.	
5	Xét cấp học bổng chính sách.	
6	Hỗ trợ học tập đối với học sinh trung học phổ thông là người dân tộc thiểu số rất ít người.	
	<b>Lĩnh vực quy chế thi, tuyển sinh</b>	
7	Đăng ký dự thi trung học phổ thông Quốc gia.	
8	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú (Xét tuyển sinh vào trường PTDTNT).	
9	Xét tuyển học sinh vào trường dự bị đại học.	
10	Phúc khảo bài thi trung học phổ thông Quốc gia.	
11	Đặc cách tốt nghiệp trung học phổ thông.	
<b>IX</b>	<b>SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN (04 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Chăn nuôi - Thú y</b>	

1	Cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký).	
2	Cấp đổi giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trên cạn hoặc dưới nước).	
3	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y.	
4	Tuyển chọn nhân viên thú y xã.	
<b>X</b>	<b>SỞ CÔNG THƯƠNG (06 TTHC)</b>	
	<b>Lĩnh vực: Vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất nổ</b>	
1	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp.	
2	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn vật liệu nổ công nghiệp.	
3	Cấp Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ.	
4	Cấp lại Giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn tiền chất thuốc nổ.	
	<b>Lĩnh vực: Xúc tiến thương mại</b>	
5	Thông báo hoạt động khuyến mại.	
6	Thông báo sửa đổi, bổ sung nội dung chương trình khuyến mại.	
<b>XI</b>	<b>THANH TRA TỈNH VĨNH PHÚC (05 TTHC)</b>	
1	Giải quyết khiếu nại lần đầu.	
2	Giải quyết khiếu nại lần hai.	
3	Giải quyết tố cáo.	
4	Tiếp công dân .	
5	Xử lý đơn.	

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG ÁP DỤNG CHUNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH VĨNH PHÚC**

<b>SỐ TT</b>	<b>TÊN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>	<b>GHI CHÚ</b>
1	Kê khai tài sản, thu nhập.	
2	Công khai bản kê khai tài sản, thu nhập.	
3	Xác minh tài sản, thu nhập.	
4	Tiếp nhận yêu cầu giải trình.	
5	Thực hiện việc giải trình.	